

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tr n điểm ph n nguyên	Tổ tr n điểm ph n lẻ
						20	20	60%			
1	11344004	ĐOÀN VŨ THIÊN	ÂN	CD11CI	1	9,0	9,0	7,5	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138017	TRẦN ĐỨC	BẢO	DH12TD	1	8,0	9,0	8,0	8,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC	BÙU	DH12CD	1	8,0	9,0	8,0	8,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344140	LƯƠNG VĂN	DUY	CD12CI	1	8,0	9,0	4,5	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154058	PHẠM TRỌNG	ĐẠT	DH12OT	1	8,0	9,0	6,5	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154205	NGÔ HỒ	ĐIỆP	DH12OT	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118111	LÊ MINH	HÀI	DH12CC	1	8,0	9,0	7,0	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD	1	10,0	9,0	8,5	8,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344187	HỒ TRẦN	HUY	CD12CI	1	8,0	9,0	3,0	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HUY	DH12CC	1	8,0	9,0	2,5	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118029	NGUYỄN TẤT	HUY	DH12CK	1	8,0	9,0	3,0	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09153007	NGUYỄN VĂN	HUYỀN	DH09CD	1	8,0	9,0	3,0	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138055	HUỖNH TẤN	HƯNG	DH12TD	1	8,0	9,0	4,5	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD	1	8,0	9,0	7,0	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154015	NGUYỄN THIÊN	KHAI	DH12OT	1	10,0	7,0	3,0	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118109	VŨ NHƯ	KHAI	DH12CC	1	8,0	7,0	3,0	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137028	NGUYỄN VĂN	KHOA	DH12NL	1	8,0	9,0	6,0	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	11158086	TRƯƠNG VĂN	KHOA	DH11SK	<i>Trương Văn</i>	1	0,0	9,0	2,5	3,3	<i>Trương Văn</i>
19	11158087	ĐẶNG THỊ ÁNH	KIỀU	DH11SK	<i>Đặng Thị Ánh</i>	1	8,0	9,0	5,5	6,7	<i>Đặng Thị Ánh</i>
20	12344068	TRẦN VĂN	LAI	CD12CI	<i>Trần Văn</i>	1	8,0	9,0	4,0	5,8	<i>Trần Văn</i>
21	12138062	TẶNG VÕ	LÂM	DH12TD	<i>Tặng Võ</i>	1	8,0	9,0	7,0	7,6	<i>Tặng Võ</i>
22	12154142	NGUYỄN ĐOÀN	LỘC	DH12OT	<i>Nguyễn Đoàn</i>	1	8,0	9,0	2,5	4,9	<i>Nguyễn Đoàn</i>
23	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	LỢI	CD11CI	<i>Nguyễn Xuân Thắng</i>	1	8,0	9,0	3,5	5,5	<i>Nguyễn Xuân Thắng</i>
24	11344048	LÊ VĂN	NGOÃN	CD11CI	<i>Lê Văn</i>	1	9,0	9,0	5,0	6,6	<i>Lê Văn</i>
25	12154138	MAI THÀNH	NHÂN	DH12OT	<i>Mai Thành</i>	1	0,0	9,0	2,5	3,3	<i>Mai Thành</i>
26	12153067	PHÙNG THÁI	NHÂN	DH12CD	<i>Phùng Thái</i>	1	8,0	0,0	2,0	2,8	<i>Phùng Thái</i>
27	12118068	VÕ VĂN	NHÂN	DH12CC	<i>Võ Văn</i>	1	8,0	9,0	1,5	4,3	<i>Võ Văn</i>
28	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH12OT	<i>Đào Thanh</i>	1	8,0	9,0	4,0	5,8	<i>Đào Thanh</i>
29	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH12OT	<i>Nguyễn Chánh</i>	1	8,0	9,0	1,5	4,3	<i>Nguyễn Chánh</i>
30	12118114	TÔ NGỌC	QUANG	DH12CC	<i>Tô Ngọc</i>	1	8,0	9,0	1,5	4,3	<i>Tô Ngọc</i>

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Phạm Minh Hiền

Lê Mỹ Duyên

Lê Quang Hiền

Đặng Trung Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	08158135	DƯƠNG THỊ KIỀU	QUANH	DH08SK	1	0,0	9,0	2,0	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118075	LƯƠNG QUỐC	QUÂN	DH12CC	1	8,0	9,0	6,5	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118079	VÕ HỒNG	QUỐC	DH12CK	1	8,0	7,0	5,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	QUÝ	DH12CC	1	8,0	9,0	4,5	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154206	PHẠM HÙNG	QUYỀN	DH12OT	1	8,0	9,0	5,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154171	TRƯƠNG MINH	SANG	DH12OT	1	8,0	9,0	2,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138091	LÊ VIỆT	SƠN	DH12TD	1	8,0	9,0	4,0	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118023	THÂN THIÊN	TÂN	DH12CC	1	8,0	9,0	2,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153032	PHẠM CÔNG	TÂN	DH11CD	1	9,0	9,0	2,5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08118015	LƯƠNG HOÀNG	THÁI	DH08EK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154058	LÊ VĂN	THÀNH	DH11OT	1	5,0	9,0	3,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137042	NGUYỄN VĂN	THẮNG	DH12NL	1	8,0	9,0	3,0	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154234	NGUYỄN NGỌC	THÍCH	DH12OT	1	8,0	9,0	3,0	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153031	PHAN TRƯỜNG	THỊNH	DH11CD	1	10,0	10,0	6,5	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344124	LƯƠNG ĐỨC	THÔNG	CD12CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344135	NGUYỄN LỘC	THUẬN	CD12CI	1	8,0	9,0	6,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118095	DƯƠNG CÔNG	TRẠCH	DH12CK	1	8,0	9,0	2,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên n	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
18	12115156	TRẦN THỊ THÚY	TRANG	DH12CB	1	8,0	9,0	5,5	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH12CK	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	CD11CI	1	8,0	9,0	5,5	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẤN	DH12CK	1	8,0	9,0	4,0	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344144	LOAN THANH	TUẤN	CD12CI	1	8,0	9,0	6,5	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11344047	NGUYỄN MINH	TUẤN	CD11CI	1	10,0	9,0	9,5	9,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138104	PHẠM VĂN	TUẤN	DH12TD	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH12OT	1	8,0	9,0	5,5	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	06119033	TRẦN THẾ	VĂN	DH08CK						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118103	TỔNG THANH	VINH	DH12CC	1	0,0	9,0	5,5	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138007	VÕ QUỐC	VINH	DH12TD	1	7,0	9,0	5,0	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153166	VŨ MINH	VƯƠNG	DH12CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 04

Hiệu điện : 25

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Hand
Bùi Công Hand

ph
Nguyễn Hữu Hòa

Lo
Lô Văn Bân

th
Lê Quang Hải

+
Đặng Trung Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD103 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI	<i>an</i>	1	8,0	7,0	3,5	5,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	<i>Am</i>	1	5,0	7,0	4,5	5,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH12OT	<i>anh</i>	1	6,5	9,0	10,0	9,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154002	NGUYỄN TUẤN ANH	DH11OT	<i>anh</i>	1	8,0	8,0	6,5	7,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	<i>anh</i>	2	6,5	8,0	6,0	6,5	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>tiểu</i>	1	8,0	9,0	5,5	6,7	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	<i>chau</i>	2	6,5	8,0	4,0	5,3	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115216	NGUYỄN THỊ DUNG	DH12GB							49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI	<i>duy</i>	1	8,0	8,0	1,5	4,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	<i>duy</i>	1	8,0	9,0	4,5	6,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344163	VĂN VĂN DUY	CD12CI	<i>duy</i>	1	8,0	6,0	2,5	4,3	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>da</i>	1	8,0	8,0	3,0	5,0	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD	<i>hai</i>	1	9,0	9,0	7,5	8,1	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐỊNH	DH12OT	<i>triệu</i>	1	6,5	8,0	3,5	5,0	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI	<i>quoc</i>	1	8,0	9,0	1,0	4,0	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	<i>phuong</i>	1	7,0	7,0	1,5	3,7	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI	<i>duc</i>	1	8,0	7,0	2,5	4,5	49 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD103 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Kỳ tên	Số tổ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
18	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	GIANG	DH12OT	2	5,0	5,0	2,5	3,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12344049	NGUYỄN PHÚC	HẬU	CD12CI	1	5,0	9,0	3,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153168	PHAN PHUNG	HIỆP	DH12CD	1	8,0	5,0	4,0	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118036	TRẦN VĂN	HIỆP	DH12CK	1	5,0	9,0	4,5	3,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154032	CAO VĂN	HOÀN	DH12OT	1	8,0	9,0	2,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344055	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	CD12CI	1	5,0	9,0	5,5	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	DH12OT	1	5,0	9,0	4,0	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD	1	8,0	9,0	5,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154123	VÕ THANH	HÙNG	DH12OT	1	5,0	9,0	6,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154107	HỒ CÔNG	HUY	DH12OT	1	8,0	9,0	6,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118030	NGUYỄN VIỆT	HUY	DH12CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344067	TRẦN CAO	KỶ	CD12CI	1	8,0	9,0	5,0	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118100	PHAN THANH	LÊ	DH12CK	1	5,0	9,0	3,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 02

Hiện diện: 28

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2


Nguyễn Khoa


Võ Văn Xuyến


Lê Văn Bình


Lê Quang Hiền


Trương Trung Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 03

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI	<i>Đức</i>	1	8,0	9,0	4,5	4,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI	<i>Như</i>	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115049	TRẦN HỮU LỰC	DH12CB	<i>Tức</i>	1	9,0	8,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344127	VÕ TÀ MẠNH	CD12CI	<i>Tà</i>	1	5,0	0,0	2,0	2,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC	<i>Minh</i>	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154010	NÔNG TRỌNG NGHĨA	DH11OT	<i>Nông</i>	1	8,0	9,0	5,0	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI	<i>Trình</i>	1	8,0	9,0	3,5	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154028	LÊ ANH NGUYỄN	DH11OT	<i>Anh</i>	1	8,0	8,0	9,0	8,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD	<i>Hoài</i>	1	5,0	5,0	7,0	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT	<i>Xuân</i>	1	10,0	9,0	7,5	8,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT	<i>Phú</i>	1	9,0	9,0	4,0	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154015	THÔNG PHỐ SÂU	DH11OT	<i>Sâu</i>	1	5,0	9,0	8,0	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT	<i>Sơn</i>	1	8,0	9,0	4,5	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137038	VÕ ĐUY SƠN	DH12NL							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09138013	NGUYỄN VĂN TÀI	DH09TD	<i>Tài</i>	1	6,5	9,0	5,0	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344175	PHẠM NGỌC TÂN	CD12CI	<i>Tân</i>	1	8,0	7,0	2,5	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi RD104 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT		1	5,0	9,0	1,0	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT		1	9,0	9,0	8,5	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115258	NGÔ KIM THÁNH	DH12CB		1	8,0	9,0	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154182	PHAN DUY THẨM	DH12OT		1	5,0	9,0	3,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL		1	8,0	9,0	7,5	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118097	LONG QUỐC TIỀN	DH12CK		1	5,0	9,0	9,0	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344134	ĐÀO MINH TỈNH	CD12CI		1	9,0	9,0	8,0	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT		1	8,0	8,0	6,0	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD		1	6,5	9,0	4,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH12OT		1	5,0	9,0	3,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC		1	5,0	9,0	4,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154241	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	DH12OT		1	5,0	5,0	2,5	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344085	HỒ TRẦN VŨ	CD12CI		1	8,0	8,0	5,0	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 02

Hiện diện : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Kiên V. Diệu

Lê Vũ Ban

Quang Hiền

Đặng Trung Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12DT	An		8	7	0	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12DT	Anh		7	5	0	2,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12DT	Bảo		5	5	2	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	Anh		9	5	3	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	Bảo		3	5	1	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12DT	Bình		3	10	0	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	Công		0	9	0	1,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	Dũng		6	5	0	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH12DT	Tiến		8	6	2	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CK	Tấn		5	10	6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	Duy		9	5	10	8,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	Duy		5	5	8	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344032	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	CD12CI	Dương		5	5	0	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	Hữu		9	10	1	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344079	HUỖNH VĂN ĐIỆP	CD12CI	Diệp		5	5	1	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138068	LÊ HOÀNG ĐÙ	DH12TD	Đù		5	5	5	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	<i>Đua</i>		9	5	4	5,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>Hảo</i>		4	8	7	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>Hồ</i>		7	5	7	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344169	LÊ MINH HÓA	CD12CI	<i>Minh</i>		5	5	4	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154005	LÊ TÂN	DH12OT	<i>Tân</i>		5	5	0	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	<i>Hoàng</i>		5	5	0	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK	<i>Học</i>		5	1	3	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>Đức</i>		5	5	7	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT	<i>Duy</i>		9	5	8	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD	<i>Duy</i>		5	5	1	2,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK	<i>Duy</i>		5	9	3,0	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL	<i>Lân</i>		8	3	0	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12137007	VŨ DINH LỊCH	DH12NL	<i>Lịch</i>		3	5	2	2,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI	<i>Xuân</i>		5	5	2	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138069	NGUYỄN BÁ LỘC	DH12TD	<i>Bá</i>		9	5	8	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	10137018	HỒ TRÍ LUÂN	DH10NL	<i>Trí</i>		8	0	2	2,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12118062	VŨ THANH MỆNH	DH12CC	<i>Thanh</i>		5	1	3	3,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
35	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC	<i>Minh</i>		3	9	2	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL	<i>Quí</i>		3	5	7	5,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	DH08CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH12OT	<i>Ngọc</i>		9	5	7	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	10154025	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	DH10OT	<i>Đức</i>		5	9	4	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12137034	VÕ THANH NHANH	DH12NL	<i>Thanh</i>		9	5	1	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154147	PHẠM HUỲNH ĐẠT	DH12OT	<i>Đạt</i>		5	5	1	2,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI	<i>Pháp</i>		8	7	2	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154152	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH12OT	<i>Phát</i>		9	3	8	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI	<i>Phúc</i>		6	5	0	2,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL	<i>Phước</i>		7	5	6	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT	<i>Phương</i>		3	5	3	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153011	NGUYỄN VĂN QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>		5	2	1	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12137035	TẠ NHẬT QUANG	DH12NL	<i>Quang</i>		9	5	6	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD	<i>Quân</i>		5	10	1	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12138127	PHẠM THANH QUÍ	DH12TD	<i>Quí</i>		3	5	0	1,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK	<i>Sang</i>		9	9	1	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	12344191	HÀ TẤN	TÀI	CD12CI	<i>Tài</i>	9	5	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11154043	TRẦN ĐỨC	TÀI	DH11OT	<i>Đức</i>	3	5	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	10153033	NGUYỄN TƯỜNG	TAM	DH10CD	<i>Tường</i>	8	5	1	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12344197	NGUYỄN THÀNH	TÂM	CD12CI	<i>Thành</i>	3	7	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH	TÂM	CD12CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12344113	VŨ THIÊN	TÂM	CD12CI	<i>Thiên</i>	3	5	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154134	PHAN DUY	THANH	DH12OT	<i>Duy</i>	5	5	4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	DH12CD	<i>Văn</i>	5	5	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	10154038	NGUYỄN HOÀNG	THÀNH	DH10OT	<i>Hoàng</i>	7	10	1	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12154180	NGUYỄN VĂN	THÀNH	DH12OT	<i>Văn</i>	8	3	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12154179	TRẦN TRUNG	THÀNH	DH12OT	<i>Trung</i>	8	1	0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	10154040	HUỖNH	THẢO	DH10OT	<i>Huỳnh</i>	0	1	3	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154021	TRẦN VĂN	THẮNG	DH12OT	<i>Văn</i>	5	10	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	10158083	NGUYỄN VĂN	THỂ	DH10SK						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	DH12OT	<i>Văn</i>	9	5	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOẠI	DH10OT	<i>Quang</i>	5	9	10	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12154018	NGUYỄN VĂN	TRẠNG	DH12OT	<i>Văn</i>	9	1	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL	<i>nh</i>		6	4	8	6,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	10137072	NGUYỄN THÀNH	DH10NL	<i>Ch</i>		9	0	0	1,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11158027	PHẠM LÊ KIM	DH11SK	<i>Kim</i>		8	9	9	8,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12153122	TRẦN VĂN	DH12CD							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12344149	HOÀNG DUY LINH	CD12CI							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12344151	TRẦN MẠNH	CD12CI	<i>Tr</i>		5	5	1	2,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11158028	PHẠM NGỌC	DH11SK	<i>Ng</i>		9	10	6	7,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12138111	NGÔ VĂN	DH12TD	<i>Viên</i>		5	5	1	2,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12138006	NGUYỄN HOÀNG	DH12TD	<i>Ho</i>		5	2	1	2,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12137049	NGUYỄN QUỐC	DH12NL	<i>Qu</i>		3	2	1	1,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12118105	NGUYỄN THANH	DH12CC	<i>Th</i>		5	0	0	1,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11158063	BÙI NHƯ	DH11SK	<i>Nh</i>		7	10	5	6,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 6

Hiệu điện : 74

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Trần Thị Bích Ngọc
N.V. Kép

NT Nguyễn
NT Nguyễn

Võ Thị Bích Ngọc
Võ Thị Bích Ngọc

Trần Thị Bích Ngọc
Trần Thị Bích Ngọc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực U-207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An		5	1	0	1,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334005	LÊ THANH TÚ	CD13CI	Lê		2	5	0	1,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334010	ĐOÀN TRI	CD13CI	Đoàn		1	6	0	1,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI	Bình		1	6	1	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334025	VỊ VĂN CHUÔNG	CD13CI	Chuông		2	7	0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334030	NGUYỄN THÀNH DANH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334033	NGUYỄN VĂN DÂN	CD13CI	Dân		1	1	0	0,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334034	BÙI XUÂN DUY	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334037	TRẦN THANH DUY	CD13CI	Trần		6	8	1	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334041	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334042	NGUYỄN TRIỆU DƯƠNG	CD13CI	Dương		3	7	1	2,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334046	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334253	TRẦN TIẾN ĐẠT	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	Ngô		2	7	0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	Nguyễn		1	7	0	1,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể dục 6-207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13334050	NGUYỄN TÂN	ĐỨC	Đức		1	6	0	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13334051	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	Đức		0	0	0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334056	TRẦN ANH	HÀO							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334061	NGUYỄN THẾ	HIẾN							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334062	NGUYỄN VĂN	HIẾN	M		2	1	0	0,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334070	THAI MINH	HIỆP	Minh		1	7	0	1,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334067	PHAN DUY	HIẾU	H		2	2	0	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334074	LƯƠNG VĂN	HOÀNG	Hoàng		1	7	2	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334075	NGUYỄN HUY	HOÀNG	Huy		1	7	1	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334077	ĐƯỜNG KHOA	HỌC	Khoa		2	8	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334085	NGUYỄN VĂN	HÙNG							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334087	VŨ	HÙNG							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334078	BIỆN NGỎ SỸ	HUY	Sỹ		2	5	0	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334079	ĐINH LÂM	HUY	Lâm		1	7	0	1,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334080	LÊ VĂN	HUY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334081	NGUYỄN BÁ	HUY	Bá		0	2	0	0,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13334083	PHAN TÂN	HUY							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Sứ c bē n vậ t liệ u-207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV303 Nhóm m : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyên	Tô trò n điể m phầ n lẻ
35	13334090	TRẦN DUY HƯNG	CD13CI	<i>Son</i>		6	5	0	2,2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	13334092	NGUYỄN VĂN HỮU	CD13CI	<i>Huu</i>		1	7	0	1,6	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	13334093	ĐINH HOÀI KHA	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	13334099	TRẦN HỮU KHÁNH	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	13334256	LÊ ANH KHOA	CD13CI	<i>Anh</i>		5	3	0	1,6	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	13334102	PHẠM TRUNG KIÊN	CD13CI	<i>Kien</i>		2	5	0	1,4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	13334104	NGÔ TẤN LÂM	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	13334105	NGUYỄN ÁNH SƠN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI	<i>Lan</i>		0	5	0	1,0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	13334110	LÊ PHƯỚC LỘC	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	13334111	TRẦN VĂN LỘC	CD13CI	<i>Loc</i>		2	8	0	2,0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	13334113	MAI VINH LỢI	CD13CI	<i>Vinh</i>		2	5	0	1,4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	13334114	NGUYỄN THÀNH LUÂN	CD13CI	<i>Thanh</i>		2	2	0	0,8	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	13334116	HỒ SỸ LỤC	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	13334117	NGUYỄN CÔNG LỤC	CD13CI	<i>Long</i>		5	8	1	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	13334119	NGUYỄN THANH LÝ	CD13CI	<i>Ly</i>		1	7	0	1,6	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	13334121	CHÂU QUANG MINH	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực U-207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
52	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13334129	PHẠM CÔNG NGHĨA	CD13CI	<i>Phu</i>		0	0	0	0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13334131	VÕ KHÁNH NGUYỄN	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13334133	LÊ HỮU NHÂN	CD13CI	<i>ahv</i>		2	6	2	2,8	▼ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
56	13334135	NGUYỄN MINH NHẬT	CD13CI	<i>huc</i>		2	8	1	2,6	▼ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
57	13334137	NGÔ SĨ PHÁT	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13334143	NGUYỄN HỒNG PHÚ	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13334145	HUỖNH XUÂN PHÚC	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13334147	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚC	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13334152	VŨ CÔNG QUANG	CD13CI	<i>Luong</i>		1	6	0	1,4	▼ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
62	13334154	NGUYỄN VĂN QUÍ	CD13CI	<i>Qu</i>		2	7	0	1,8	▼ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
63	13334155	NGUYỄN TẤN QUỐC	CD13CI	<i>Qu</i>		2	6	0	1,6	▼ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
64	13334159	HUỖNH LÊ SANG	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13334161	ĐẶNG CHIÊU SINH	CD13CI	<i>Si</i>		1	6	3	3,2	▼ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
66	13334167	LẠI ĐỨC TÀI	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13334168	LÊ TẤN TÀI	CD13CI							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13334169	NGUYỄN VĂN TÀI	CD13CI	<i>Be</i>		2	7	0	1,8	▼ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Sứ c bễ n và t liệ u-207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phù ng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tể n	LỚP	ký tể n	Số tử	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Đ iể m thi 60%	Đ iể m T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
69	13334170	TỔNG MINH TÀI	CD13CI	<i>San</i>		2	8	0	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13334171	TRẦN TẤN TÀI	CD13CI	<i>San</i>		5	7	1	3,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13334172	NGUYỄN MINH TÂM	CD13CI	<i>San</i>		0	5	0	1,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13334182	PHAN VĂN THẠCH	CD13CI	<i>Thach</i>		1	8	7	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	13334175	ĐOÀN THIÊN THANH	CD13CI	<i>Thanh</i>		2	8	0	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13334179	PHAN VĂN THÀNH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>thanh</i>		3	6	0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13334188	NGUYỄN NGÔ MINH THẾ	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13334189	ĐẶNG TUẤN THI	CD13CI	<i>th</i>		2	7	0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13334193	VŨ ĐỨC THIÊN	CD13CI	<i>thien</i>		2	3	0	1,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13334197	TRƯƠNG TRỌNG THỊNH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	<i>lu</i>		2	5	0	1,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	13334205	VŨ THÁI THUẬN	CD13CI	<i>San</i>		1	6	0	1,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	13334208	NGUYỄN MANH TRẦN TIỀN	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	13334209	PHẠM THÀNH TIỀN	CD13CI	<i>San</i>		3	8	0	2,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	13334212	LÂM QUỐC TIỀN	CD13CI	<i>tiền</i>		0	2	0	0,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI	<i>tin</i>		2	7	0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
86	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI	<i>Minh Toan</i>		6	9	3	4,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	13334216	PHẠM VĂN TOÀN	CD13CI	<i>Pham Van Toan</i>		2	5	0	1,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	13334218	TRẦN VĂN TRANG	CD13CI	<i>Tran Van</i>		2	7	0	1,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	13334222	TỠ HỮU TRÍ	CD13CI	<i>To Huu Tri</i>		0	3	0	0,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI	<i>Trieu</i>		2	6	0	1,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
91	13334226	ĐẶNG TRUNG	CD13CI	<i>Dang Trung</i>		1	6	0	1,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	13334227	PHẠM THANH TRUNG	CD13CI	<i>Pham Thanh Trung</i>		2	7	0	1,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	13334236	PHẠM MINH TÚ	CD13CI	<i>Pham Minh Tu</i>		6	8	4	5,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI	<i>Nguyen Hoang Tuan</i>		5	2	0	1,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	13334234	ĐOÀN THANH TÙNG	CD13CI							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	13334240	HỒ HOÀI VIỆN	CD13CI							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	13334244	LÊ QUANG VINH	CD13CI	<i>Le Quang Vinh</i>		1	3	1	1,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	13334249	NGUYỄN TẤN VINH	CD13CI							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	13334250	LÂM VĂN HOÀI XUÂN	CD13CI							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	<i>Nguyen Tan Nhu</i>		5	1	1	1,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 38

Hiện diện: 63

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phạm Minh Hiền

Vũ Đình Bổng

Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV337 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115226	NGUYỄN THỊ CÔNG BÌNH	DH12GN	<i>BN</i>		6	8	3	4,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>Quoc</i>		6	9	5	6,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>Canh</i>		6	8	0	2,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	<i>Chau</i>		5	8	0	2,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠNG	DH12CD	<i>Chuong</i>		6	8	0	2,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT	<i>Quoc</i>		1	8	2	3,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD	<i>Manh</i>		5	8	2	3,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐÀ	DH12CD	<i>Duc</i>		6	8	1	3,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH12OT	<i>Dat</i>		6	9	7	7,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	<i>Hien</i>		9	9	6	7,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>Hiep</i>		6	8	5	5,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>Hoa</i>		6	9	2	4,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK	<i>Hoa</i>		6	8	0	2,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD			4	6	2	3,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138047	DƯƠNG VĂN HOAN	DH12TD	<i>Huan</i>		6	8	1	3,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD	<i>Hung</i>		2	7	1	2,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu II - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV337 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT	<i>Gl</i>		5	8	8	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD	<i>Ng</i>		5	8	2	3,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118030	NGUYỄN VIỆT HUY	DH12CC							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD	<i>ho</i>		0	1	1	0,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC	<i>Tr</i>		6	9	9	8,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT	<i>Hu</i>		9	9	7	7,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC	<i>Tr</i>		2	1	6	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138121	LÊ PHÚC KHÁNH	DH12TD	<i>Lk</i>		8	9	2	4,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09118009	TRẦN DUY KHƯƠNG	DH09CK	<i>Tr</i>		0	1	0	0,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10134032	NGUYỄN THỊ THANH KIỀU	DH10GB	<i>Ng</i>		3	8	6	5,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344067	TRỊNH CAO KỶ	CD12CI	<i>Tr</i>		4	8	5	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>Ng</i>		3	8	2	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK	<i>Ph</i>		6	8	2	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH12OT	<i>Ng</i>		0	8	1	2,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC	<i>Ng</i>		1	8	3	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	<i>Ph</i>		5	8	5	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD	<i>To</i>		6	6	0	2,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể dục - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD			2	8	6	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153191	NGUYỄN GIA NGHĨA	DH12CD			6	9	2	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 34

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể dục - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118064	NGUYỄN THÁI NGOC	DH12CK	<i>Thái</i>		6	9	2	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD	<i>Hoài</i>		6	8	5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154147	PHẠM HUYNH DAT	DH12OT	<i>Dat</i>		5	8	7	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344186	HUYNH DUY PHAT	CD12CI	<i>Phat</i>		6	8	2	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	<i>Phong</i>		6	9	2	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153093	HỒ VINH PHU	DH12CD	<i>Phu</i>		6	8	2	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT	<i>Chanh</i>		5	6	3	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC	<i>Quang</i>		6	2	4	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD	<i>Quí</i>		5	2	8	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>		6	8	4	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	<i>Tai</i>		6	8	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD	<i>Tam</i>		9	9	9	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	<i>Tan</i>		5	8	1	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>Thanh</i>		5	8	1	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11134010	LÊ TRÀ THỊNH	DH11GB	<i>Thinh</i>		6	9	4	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH12OT	<i>Thinh</i>		5	8	1	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu II - 207113

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	<i>Tuan</i>		6	9	6	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12153150	NGUYỄN DƯ	DH12CD	<i>Do</i>		6	9	8	7,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153151	PHẠM VĂN	DH12CD	<i>Pham</i>		6	9	3	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153194	ĐẶNG MINH	DH12CD	<i>Pham</i>		4	8	2	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344139	NGUYỄN BÁ	CD12CI	<i>Pham</i>		6	6	3	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154124	TRƯƠNG THANH	DH12OT	<i>Pham</i>		5	8	5	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344152	VƯƠNG NHƯ	CD12CI	<i>Pham</i>		5	8	1	3,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153193	LÊ VĂN	DH12CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11138011	HUỖNH MINH	DH11CD	<i>Pham</i>		0	1	0	0,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138135	PHẠM VĂN	DH12TD	<i>Pham</i>		5	8	1	3,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 25

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Pham
N.V. Kiệp

Pham
Nguyễn Quý

Pham
Vương Tiến Bình

Pham
Đỗ Hữu Toàn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 01-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC			4,8	3,7	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC			4,8	3,6	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118019	HỒ TẤN DUY	DH12CK			4,8	3,5	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK			4,8	4	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK			4,8	4,6	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118109	VŨ NHƯ KHÁI	DH12CC			4,8	4	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK			4,8	3,6	8,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12ML			4,8	3,7	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD			4,8	3,5	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH12OT			4,6	3,8	8,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH12OT			4,8	4	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT			4,6	4,1	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH12OT			4,6	4,2	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH12OT			4,6	4,4	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344082	LÊ VĂN LUYỆN	CD12CI			4,8	3,2	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344094	HUỲNH DUY KHÁNH	CD12CI			4,8	3,8	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344101	LÊ HỒNG PHONG	CD12CI			4,6	3,9	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344151	TRẦN MẠNH TUÔNG	CD12CI			4,3	3,8	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 01-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344153	TRẦN ĐÌNH TUÔNG	CD12CI			4,8	3,8	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI			4,8	3,7	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

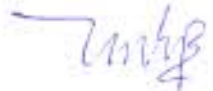
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vương Trung Thiên


N.V. Kiệp


Trương Quang Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Thực tập gia công - 02-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11154014	UNG NGOC QUỲ	DH11OT			4,5	3,8	8,3		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	12137021	PHẠM DỨC HUY	DH12NL			4,8	3,8	8,6		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL			4,8	4	8,8		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL			4,8	3,7	8,5		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL			4,8	3,3	8,1		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL			4,8	3,5	8,3		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	12138130	PHẠM VIỆT TRUNG	DH12TD			4,8	3,7	8,5		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	DH12OT			4,8	3,7	8,5		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	12154013	LÝ KIM XÁI	DH12OT			4,5	3,9	8,4		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	12154018	NGUYỄN VĂN TRẠNG	DH12OT			4,5	3,6	8,1		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT			4,6	4	8,6		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	12154133	NGUYỄN MINH TẤN	DH12OT			4,2	4,6	8,8		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT			4,5	3	7,5		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI			4,8	3,6	8,4		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	12344014	NGUYỄN VŨ LINH	CD12CI			4,8	3,6	8,4		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI			4,6	4,2	8,8		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	12344033	TRẦN ĐẠI	CD12CI			4,6	3,6	8,2		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
18	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI			4,6	3,2	7,8		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 02-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI			4,8	3,4	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI			4,6	3,6	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

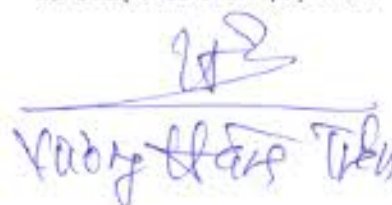
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Hoàng Thanh Tiến


N.V. Kiệp


Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 03-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK			3,7	3,9	7,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118117	NGUYỄN HUỖNH TỬ	DH12CC			3,6	4,2	7,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL			3	4,2	7,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL			3,8	4,2	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154020	HUỖNH THANH PHÚNG	DH12OT			4,0	4,7	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT			4,1	4,2	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12OT			3,9	3,8	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT			4,3	3,9	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT			4,2	4,6	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT			4,4	4,6	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH12OT			3,6	3,9	7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154167	NGUYỄN VĂN QUẢ	DH12OT			4,1	4,6	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT			3,9	4,2	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH12OT			3,7	4,7	8,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT			4,4	4,6	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT			4,2	4,2	8,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344079	HUỖNH VĂN ĐIỆP	CD12CI			4	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 03-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI			3,7	4,7	8,4		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI			3,7	3,4	7,1		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vuong Hiep Tieb


N.V. Kiệp


Truong Quang Triang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Ho c : Thự c tậ p gia cồ ng - 04-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiên (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trờ n điể m phầ n nguyê n	Tô trờ n điể m phầ n lẻ
1	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC			3,8	4,1	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL			4	4,1	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12137035	TẠ NHẬT QUANG	DH12NL			3,6	4,2	7,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL			4	4,1	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL			3,8	4,1	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12137051	PHẠM ANH TUẤN	DH12NL			3,6	4,1	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD			3	3,8	6,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD			3,4	3,8	7,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154008	NGUYỄN CHÚC QUYỀN	DH12OT			3,6	4,1	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT			3,5	4,1	7,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT			4,6	4,2	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT			3,8	4,2	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT			4	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT			4,1	3,9	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH12OT			4	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154234	NGUYỄN NGỌC THÍCH	DH12OT			3,6	4,1	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344077	LÊ THÀNH LỘC	CD12CI			4	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI			3,4	4,2	7,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 04-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344169	LÊ MINH HÒA	CD12CI			3,7	4,2	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344191	HÀ TẤN TÀI	CD12CI			3,1	4,2	7,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

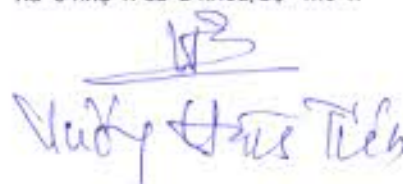
Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Kiệp


N. V. Kiệp


Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 05-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11154055	CHAU NGOC HIỆP	DH11OT			4,1	4,4	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI			4	4	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118023	THẦN THIÊN TÂN	DH12CC			4,4	4,8	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118075	LƯƠNG QUỐC QUÂN	DH12CC			4,6	4,5	9,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK			3,8	4,8	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC			4,4	4,3	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL			3,8	4,4	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137041	ĐOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL			3,6	4,4	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT			3,9	4,3	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT			4,2	4,3	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH12OT			4,1	4,3	8,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154152	NGUYỄN TÂN PHÁT	DH12OT			3,7	4,2	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT			3,8	4,2	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT			4,0	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH12OT			4	4,2	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT			4,2	4,3	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154246	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH12OT			3,8	3,7	7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT			3,9	3,3	7,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 05-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344144	LOAN THANH TUẤN	CD12CI			3,9	4,4	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH TÂM	CD12CI			3,4	4,3	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vương Thị Tiệp


N. V. Kiệp


Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 06-207114

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ trón điểm phần nguyên	Tổ trón điểm phần lẻ
1	11344037	VÕ PHI PHỤNG	CD11CI			4	4	8,0		</	

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 06-207114

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI			3,9	3,3		7,2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI			3,9	3,5		7,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

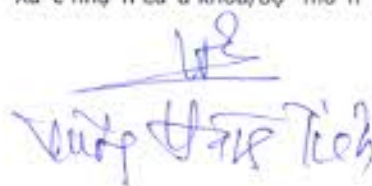
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Văn Tích


N. V. Kiep


Nguyễn Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 02-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD			4,6	4,2	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11153019	LÊ HOÀNG KHÀI	DH11CD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD			4,7	4,7	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138005	LÊ THÀNH TRUNG	DH12TD			4,7	4,7	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138007	VÕ QUỐC VINH	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138008	TRẦN LÊ TUÂN	DH12TD			4,7	4,7	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DH12TD			4,8	4,8	9,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD			4,6	4,4	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD			4,8	4,8	9,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138055	HUỖNH TẤN HƯNG	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138083	BÙI MINH VI	DH12TD			4,7	4,7	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD			4,7	4,7	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD			4,8	4,8	9,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138134	VÕ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12TD			4,8	4,8	9,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12149092	HOÀNG VĂN VIỆT	DH12TD			4,6	4,6	9,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 02-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD			4,6	4,6		9,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12153125	ĐỖ BÀ QUANG	DH12CD			4,6	4,6		9,2	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượt vắng : _____

Hiệu diện : _____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

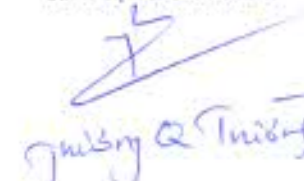
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Kiệp


N. V. Kiệp


Nguyễn Văn Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 07-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD			4,6	4,6	9,2		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÔNG	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153007	UNG MINH HOÀN	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153009	VŨ MINH PHƯƠNG	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD			4,6	4,6	9,2		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153012	BÙI THÁI CHÍNH	DH11CD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153018	ĐINH PHÚC ĐẠI	DH11CD			4,6	4,6	9,2		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD			4,6	4,3	8,9		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD			4,7	4,7	9,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD			4,6	4,6	9,2		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD			4,8	4,8	9,6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 07-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD			4,8	4,8	9,6		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
20	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD			4,8	4,8	9,6		(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Văn Tiến


N. V. Kiệp


Trương Quốc Trường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Hợ c : Thự c tậ p gia cồ hợ - 08-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
1	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD			4,3	4,3	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153020	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH10CD			4,3	4,6	8,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153039	HÀ LÊ THẮN	DH10CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD			4,2	4,1	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD			4,2	4,1	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD			4,2	4,1	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153016	TRẦN THANH HIẾU	DH11CD			4,3	4,4	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD			4,5	4,6	9,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD			4,2	4,1	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD			4	3,8	7,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD			4,4	4,4	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12138004	HUỶNH QUỲNH	DH12TD			4,5	4,6	9,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD			4,3	4,4	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138046	NGUYỄN THẾ HIẾN	DH12TD			4,5	4,6	9,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138068	LÊ HOÀNG ĐÙ	DH12TD			4,3	4,4	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138069	NGUYỄN BÀ LỘC	DH12TD			4,3	4,4	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138071	TRẦN VŨ NAM KHA	DH12TD			4,4	4,4	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD			4,3	4,4	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 08-207115

CBGD: Nguyễn Văn Kiên (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12153079	VŨ VĂN HUY HOÀNG	DH12CD			4,4	4,5	8,9		(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD			4,2	4,2	8,4		(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Khoa/Tích


N.V. Kiên


Trưởng Q. Truông

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tin học ứng dụng (CAD, OrCAD)-207116

Ngày Thi : 25/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT305 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD	<i>anh</i>		✓	6.5	8	6.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHUÔNG	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD	<i>cuong</i>		✓	6.5	9.5	6.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
4	10153005	TRẦN ĐỨC ĐÔNG	DH10CD	<i>dong</i>		8	5.5	9	7.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD	<i>duc</i>		8	8	8.5	8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	10153075	HUỖNH PHÚC HẬU	DH10CD	<i>hau</i>		8	7	8	7.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12138020	MAI PHẠM MINH HIẾU	DH12TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD	<i>hieu</i>		8	6.5	9	7.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
9	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD	<i>hoa</i>		8	9	9	8.9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD	<i>hung</i>		✓	3	✓	1.2	☒ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD			10	✓	8	5.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD	<i>kha</i>		8	4	8	6.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD	<i>loc</i>		10	5	9	7.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	10153068	ĐẶNG TRẦN HOÀI LỘC	DH10CD	<i>hoai</i>		8	9	8.5	8.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tin học ứng dụng (CAD, OrCAD)-207116

Ngày Thi : 25/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi CT305 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138069	NGUYỄN BÁ LỘC	DH12TD			10	5	8.5	7.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD			8	7.5	8.5	8.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD			V	V	6.5	9.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153067	PHÙNG THÁI NHÂN	DH12CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD			10	6	8.5	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10153028	LÊ TRỌNG TẤN	DH10CD			10	6.5	8.5	7.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD			10	7	8.5	8.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09153068	LÊ HOÀI PHONG	DH09CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD			10	7.5	8	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD			8	5.5	9	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD			10	5	8.5	7.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD			8	8.5	8.5	8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD			10	6	7.5	7.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD			10	9.5	8.5	9.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD			10	3	7.5	6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tin học ứng dụng (CAD, OrCAD)-207116

Ngày Thi : 25/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi CT305 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD	<i>[Signature]</i>		8	3	9	6.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	12153151	PHẠM VĂN	DH12CD	<i>[Signature]</i>		10	5	7.5	6.8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
37	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	<i>[Signature]</i>		10	5.5	7.5	7.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
38	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	<i>[Signature]</i>		10	7	7	4.5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
39	12153162	HOÀNG TRỌNG	VĨNH							(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
40	10153054	NGUYỄN DUY	VƯƠNG	<i>[Signature]</i>		10	6.5	8.5	7.9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Ngô Đăng Khoa

[Signature]
Vũ Đình Bình

[Signature]
Ngô Đăng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD-207117

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi Đ	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	10154056	TRẦN NGỌC ÁI	DH100T						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334004	LÊ QUỐC ANH	CD13CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11158064	HỒ THỊ NGỌC ÁNH	DH11SK			8,2	9,0	7,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH120T			6,5	7,7	4,3	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154205	NGÔ HỒ ĐIỆP	DH120T			5,6	7,5	5,0	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	DH11SK			8,0	9,8	6,6	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK			5,6	4,0	3,8	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154032	CAO VĂN HOAN	DH120T						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH120T						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK			4,2	4,0	4,0	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11158009	THIỆN SANH HUẤN	DH11SK			1,4	9,0	4,9	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH120T						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH120T			5,6	7,5	4,3	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11158086	TRƯƠNG VĂN KHOA	DH11SK			5,4	3,5	4,9	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11158031	VÕ VĂN KIẾN	DH11SK			4,4	3,5	3,5	3,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : AutoCAD-207117

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi 50	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154166	ĐÌNH VĂN LỢI	DH12OT			1,4	7,5	4,8	4,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11158016	LÊ VĂN PHÙNG	DH11SK			3,8	3,5	3,9	3,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11158100	TRẦN MINH PHUNG	DH11SK			1,2	3,5	4,2	3,3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118079	VŨ HỒNG QUỐC	DH12CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH12OT			5,6	7,5	3,8	5,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK			5,6	4,0	7,0	6,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10158083	NGUYỄN VĂN THẾ	DH10SK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11158047	LÊ TÔ HÒA	DH11SK			4,6	9,0	5,3	6,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11158044	TRƯƠNG THỊ HOA	TRÂM	DH11SK		8,8	9,0	8,1	8,5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12115248	ĐÌNH QUANG TUYẾN	DH12CB						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11158063	BÙI NHƯ Ý	DH11SK			7,0	9,0	6,3	7,2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cá nhân coi thi 1

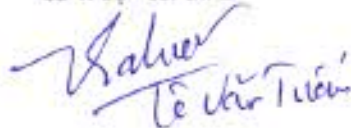
Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

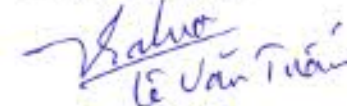
Cá nhân chấm thi 2


N.H. Đặng


Lê Văn Tuấn


Vương Đình Bính


N.H. Đặng


Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : AutoCAD-207117

Ngày thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV400A Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi 50	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT			6,6	4,0	9,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12OT			2,0	7,0	1,5	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344163	VĂN VĂN DUY	CD12CI			2,8	8,0	3,0	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT			4,2	8,0	2,0	3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH12OT			5,6	7,0	4,0	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT			4,6	6,5	4,0	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT			2,8	6,5	4,0	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT			3,4	4,0	3,0	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI			0,6	6,0	2,0	2,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT			6,0	7,5	7,0	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT			6,0	6,5	6,5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : AutoCAD-207117

Ngày thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12118029	NGUYỄN TẤT HUY	DH12CK			25	25	50	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154231	THÁI XUÂN	DH12OT			4,2	8,0	3,0	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	CD11CI			8,2	6,0	4,0	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154066	TRẦN CÔNG	DH12OT			2,4	8,0	3,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11344026	QUẢNG ĐẠI	CD11CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154143	LƯU TẤN	DH12OT			4,2	6,5	0,5	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT			2,8	7,5	3,3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI			2,8	8,0	4,3	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154142	NGUYỄN DOÃN LỘC	DH12OT			3,0	8,0	4,5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT			5,6	4,0	7,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI			5,2	6,5	0,1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT			2,8	6,5	3,5	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI			6,0	7,0	1,0	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH12OT						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

T. Quang
Nguyễn Đình

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Vĩnh Anh Bình
Vĩnh Anh Bình

T. Quang
Nguyễn Hải Anh

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD-207117

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						25	25	50			
1	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11344066	LÊ TẤN	CD11CI			8,6	6,0	6,3	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154012	NGUYỄN THANH	DH11OT			5,8	5,0	6,7	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344185	NGUYỄN THANH	CD12CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115150	PHẠM CÔNG	DH12OT			4,2	6,5	8,8	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154163	ĐÀO THANH	DH12OT			5,6	7,0	6,8	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG			2,8	7,0	3,3	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYỄN						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118115	NGUYỄN NGỌC	TÀI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154132	NGUYỄN MINH	TÂN						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154246	NGUYỄN THÀNH	TÂN			4,2	7,0	3,0	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154178	PHAN QUỐC	THÁI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154134	PHAN DUY	THANH			5,2	7,0	4,8	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154179	TRẦN TRUNG	THÀNH			5,6	8,0	2,0	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154182	PHAN DUY	THẨM						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154185	NGUYỄN VĂN	THIỆN			4,2	7,0	3,0	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : AutoCAD-207117

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (25%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154186	LÊ QUÝ	THIỆU	DH12OT		5,0	7,5	4,0	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12344178	HỒ MINH	THỊNH	CD12CI		7			✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154187	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	DH12OT		7,6	8,0	10	8,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154177	NGUYỄN THÁNH	THUẬN	DH12OT		4,2	6,5	3,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344134	ĐÀO MINH	TÌNH	CD12CI		7,2	9,0	8,5	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344181	VĂN ĐỨC	TOÀN	CD12CI					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344183	NGUYỄN VĂN	TRÂM	CD12CI					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154201	NGUYỄN THANH	TRỌNG	DH12OT					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154124	TRƯƠNG THANH	TRƯỜNG	DH12OT					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344144	LOAN THANH	TUẤN	CD12CI		6,0	8,0	4,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154156	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH12OT					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11154053	HUYỀN THANH	TÙNG	DH11OT		2,8	4,0	0,5	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH12OT		4,2	8,0	7,5	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344149	HOÀNG DUY LINH	TUYẾN	CD12CI					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344153	TRẦN BÌNH	TƯỜNG	CD12CI		5,6	6,5	3,8	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N. H. Đặng

Lê Văn Tuấn

Vương Đình Bình

Ngô Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT	<i>Q.B</i>		1	1,2	2,7	4,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
2	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13334025	VI VĂN CHUÔNG	CD13CI	<i>Chuông</i>		1	1,2	0,7	2,9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8
4	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL	<i>Hùng Cường</i>		1	2	5,3	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	<i>AD</i>		0,6	1,4	1,8	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	<i>Duy</i>		1	1,4	4,9	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT	<i>Đạt</i>		1	1	3,9	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
8	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT	<i>Đình</i>		0,6	0,8	1,4	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD	<i>Đức</i>		1	1	4,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH12OT	<i>Hạnh</i>		1	1,6	2,8	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC HẬU	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	10153013	NGÔ HỮU HIẾU	DH10CD	<i>Hiếu</i>		0,8	1,8	3,9	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12138047	DƯƠNG VĂN HOÀN	DH12TD	<i>Hoàn</i>		1	1,2	1,8	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13118166	LÊ CÁ HÙNG	DH13CC	<i>Hùng</i>		1	0,8	0,7	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12154086	HUYỀN MINH HUY	DH12OT	<i>Huy</i>		1	1,6	2,1	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT	<i>Huy</i>		1	1,4	0,7	3,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13334090	TRẦN DUY HÙNG	CD13CI	<i>Hùng</i>		0,8	0,4	0,7	1,9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	DH120T		10	20	70%			
						0,8	1,6	4,2	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Hoàng Trung Nam


Nguyễn Đức


Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT		1	0,6	4,9	6,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11158102	TRẦN NGỌC NGHĨA	DH11SK		0,8	1,6	3,5	5,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	DH13CK		0,6	0,6	3,5	4,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11154041	VŨ ĐÌNH NHINH	DH11OT		1	0,4	2,8	4,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334137	NGÔ SĨ PHÁT	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153093	HỒ VĨNH PHU	DH12CD		1	1,2	2,8	5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL		1	1,4	3,5	5,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD		1	1,4	3,2	5,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11344041	NGUYỄN VĂN THẢO	CD11CI		1	1	3,7	5,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL		1	1,2	3	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC		1	1	2,1	4,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11158047	LÊ TÔ HÒA	DH11SK		0,8	1,6	4,6	7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11158024	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	DH11SK		0,8	2	4,5	7,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118301	LÊ ĐỨC TÍN	DH13CK		0,8	1,8	0,7	3,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI		1	0,6	0,7	2,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153157	NGUYỄN ANH TUẤN	DH12CD		1	1	2,8	4,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153166	VŨ MINH VŨNG	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiện diện : 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Nguyễn Trọng Nghĩa
Nguyễn Trọng Nghĩa

Ánh Lưu Dung
Ánh Lưu Dung

Thị Phương Thảo
Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	Am		1	1,8	4,4	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153029	CHÂU THÁI BẢO	DH12CD	Châu		1	1,2	3,5	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	Gia		1	1,9	2,1	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115148	VĂN THỊ LỆ CHI	DH12GB	Chi		1	1,8	3,8	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	Chinh		1	1,9	2,8	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD	Chung		1	1	1,4	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11134003	VÕ THỊ THU CÚC	DH11GB	Thu		1	1,8	4,6	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	Cuong		1	1,2	3	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115230	ĐÌNH THỊ KIỀU DIỆM	DH12CB	Kieu		1	2	5,6	8,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	Hu		1	0,8	2,2	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	Da		1	1	2,1	4,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	Dua		1	1,8	5,2	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT	Giang		0,8	0,8	3,7	5,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115244	PHẠM THỊ NGỌC HOA	DH12GB	Hoa		1	2	5,1	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK	Hu		0,8	1	2,3	4,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	Hai		1	1,4	2,4	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153079	VÕ VĂN HUY HOÀNG	DH12CD	Huy		1	1,2	2,9	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
18	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD			1	2	4,9	7,9		
19	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT			1	1	2,5	4,5		
20	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD			0,6	1,2	1,1	2,9		
21	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC			0,8	2	4	6,8		
22	12115207	TRẦN HÀ HƯƠNG	DH12CB			1	1	4,3	6,3		
23	12138071	TRẦN VŨ NAM KHA	DH12TD			1	2	2,3	5,3		
24	12138121	LÊ PHÚC KHÁNH	DH12TD			0,8	1	3,5	5,3		
25	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD			1	1	2	4		
26	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD			0,6	1,4	3,2	5,2		
27	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD			1	1	2,3	4,3		
28	12138066	ĐẶNG TIỂU LONG	DH12TD			1	1,4	4,6	7		
29	12153189	TẠ DUY LONG	DH12CD			0,8	1,8	3,9	6,5		
30	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH12OT			0,6	1	1,6	3,2		
31	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD			0,8	1,2	3,5	5,5		
32	12138075	NGUYỄN HUY MINH	DH12TD			1	2	2,6	5,6		
33	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD			0,8	0,4	0,4	1,6		
34	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD			1	1,8	3,2	6		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD			0,8	1	3,9	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	12153088	ĐẶNG HOÀNG	DH12CD			1	1,6	1,4	4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	11154046	NGUYỄN TRỌNG	DH11OT			0,6	2	2,8	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	12153112	ĐẶNG PHAN TÂN	DH12CD			1	1,8	3	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	12153119	ĐỖ THÀNH	DH12CD			1	1,2	4	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	12153009	NGUYỄN THANH	DH12CD			1	1,4	1,9	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	10344019	TRẦN HỮU	CD10CI			1	1,6	1,8	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	12115153	ĐẶNG HOÀI	DH12CB			1	2	1,8	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	12154247	NGUYỄN CHÁNH	DH12OT			0,8	1,9	1,6	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	09118026	NGUYỄN VĂN	DH09CK			1	0,4	2,9	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	12118114	TÔ NGỌC	DH12CC			0,6	1	1,1	2,7	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	12153070	VÕ HIỀN	DH12CD			1	2	3,2	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	12118079	VÕ HỒNG	DH12CK			0,8	0,8	0,9	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	12115203	THẦN THỊ MỘNG	DH12CB			1	2	3,7	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	12154172	TRẦN VĂN	DH12OT			1	1	2,8	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	12138091	LÊ VIỆT	DH12TD			1	1,2	3,2	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
52	11115009	NGÔ THÀNH SƠN	DH11CB	Sơn		0,6	2	4,9	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT	Sơn		0,8	1,8	3,8	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH12OT	Thư		1	2	5,1	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	Tài		1	1,2	2,8	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12115027	BÙI VĂN TÂM	DH12CB							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT	Khánh		0,8	1,6	1,6	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	Tân		1	1,4	2,1	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT	Quốc		0,8	0,4	0,7	1,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	Thành		1	1,2	1,8	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12154234	NGUYỄN NGỌC THÍCH	DH12OT	Thích		1	1,2	4,2	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11134010	LÊ TRÀ THỊNH	DH11GB	Trà		1	1	2,8	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD	Thoa		1	2	3	6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12138129	NGUYỄN CÔNG THUẬN	DH12TD	Thuận		0,8	1,8	3,7	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	Quốc		0,8	1,8	5,5	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD	Tĩnh		1	1	1,4	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL	Hữu		1	1,9	2,8	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	Dư		1	1,2	3,9	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
69	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1	1,8	2,1	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0,8	0,8	2,5	4,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12115176	NGUYỄN HOÀI THIÊN	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	2	6	9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12115034	TRẦN HỮU TRANG	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1,6	3,7	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0,6	2	2,5	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12115218	TRẦN LÊ CẨM TÚ	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1,4	4,8	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0,8	1,8	2,8	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ UYÊN	DH12CC	<i>[Signature]</i>		1	1,2	3,9	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12149092	HOÀNG VĂN VIẾT	DH12TD	<i>[Signature]</i>		1	1,8	3,9	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL	<i>[Signature]</i>		1	1,4	3,2	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12138007	VÔ QUỐC VINH	DH12TD	<i>[Signature]</i>		0,8	1,6	3,7	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Nguyễn Hùng Cường

[Signature]
Nguyễn Hùng Cường

[Signature]
Nguyễn Hùng Cường

[Signature]
Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi TV201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	30%			
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT	An		1	1,8	1,4	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	Anh		0,4	1,4	6	7,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	Anh		1	0,8	2,2	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	Anh		1	2	4,6	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD	Anh		1	0	1,4	2,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL	Bao		0,8	2	5,4	8,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	Bao		0,8	2	4,1	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	Bao		0,8	1	1,8	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT	Bao		1	0,8	3,2	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH12OT	Chinh		1	2	2,8	5,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154050	QUẢNG THIÊN CHUÔNG	DH12OT	Chuong		1	2	4,3	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH10OT	Cong		0,2	1,8	3,6	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153003	LAI VĂN CƯƠNG	DH12CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	Danh		0	0	0,4	0,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH12OT	Dung		1	1,6	2,5	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD	Duy		0,2	1	0,7	1,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
18	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12OT			0,8	2	1,8	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD			0,8	0,8	1,4	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153167	TRƯỜNG PHÁT ĐẠT	DH12CD			1	1,8	4,3	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153059	HỒ ANH ĐỒNG	DH12CD			1	1	3,3	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12115046	HUỶNH KIM HẢI	DH12CB			0,4	1	4,9	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118015	VÕ ĐÌNH HẢI	DH13CK			0,8	1,6	2,7	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154051	TRỊNH XUÂN HÀNH	DH11OT			0,8	1,4	2,1	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153018	DƯƠNG SỸ HANH	DH12CD			0,8	0	0	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10158011	CAO THỊ HOA HẬU	DH10SK			0,6	1	4,9	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT			1	1,8	1,2	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH12OT			1	1,2	4,9	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD			1	1,8	5,1	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD			1	1	2,3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG HUY	DH12CC			1	1	2,1	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL			0,6	2	2,1	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153046	VŨ QUANG HƯNG	DH12CD			0,8	1,8	1,4	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD			0,6	1	0,4	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
35	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD	<i>Phạm Ngọc Kha</i>		0,8	1	0,7	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD	<i>Trần Quốc Khanh</i>		1	1,6	2,1	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12153074	TRẦN TRỌNG KHIÊM	DH12CD	<i>Trần Trọng Khiêm</i>		0,8	1,2	3,6	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153090	NGUYỄN MINH KHOÁNH	DH12CD	<i>Nguyễn Minh Khoanh</i>		1	1,6	2,6	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118024	NGÔ MINH LAN	DH13CK	<i>Ngô Minh Lan</i>		1	2	3,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153146	TRẦN TẤN LỢT	DH13CD	<i>Trần Tấn Lợi</i>		1	1,6	0,7	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153179	ĐINH QUANG LƯƠNG	DH12CD	<i>Đinh Quang Lương</i>		0,4	1,2	3,2	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC	<i>Võ Thanh Mệnh</i>		1	1,4	2,7	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD	<i>Trần Đình Minh</i>		0,6	1	1,8	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI	<i>Đặng Thanh Nam</i>		0,8	0,8	0,4	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC	<i>Lê Minh Nam</i>		1	2	4,2	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD	<i>Trương Hoài Nam</i>		0,6	0,6	1,1	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12115205	LÊ VĂN NGÂN	DH12GB	<i>Lê Văn Ngân</i>		1	0,8	0,7	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12138131	LÊ QUANG NGỌC	DH12TD	<i>Lê Quang Ngọc</i>		1	0,6	0,4	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153067	PHÙNG THÁI NHÂN	DH12CD	<i>Phùng Thái Nhân</i>		0,8	1,2	2,1	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12115146	VÕ THỊ XUÂN NHÂN	DH12GB	<i>Võ Thị Xuân Nhân</i>		0,8	1	1,1	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL	<i>Lê Hữu Phước</i>		1	1,4	4	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
52	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,4	1,3	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12CC	<i>[Signature]</i>		1	2	3,5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1	2	5,6	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	13334161	ĐẶNG CHIÊU	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,6	1	2,1	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	12153181	ĐẶNG QUỐC SỸ	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>[Signature]</i>		1	0,8	2,4	4,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	12154174	LÊ TRẦN MINH	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK	<i>[Signature]</i>		1	1,6	2,8	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	13334181	TRẦN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0,6	1	0,3	1,9	☒ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
61	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1	1	2,5	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
62	12115307	HUỖNH VĂN TÍNH	DH12GB	<i>[Signature]</i>		1	1,6	1,8	4,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
63	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,2	2,9	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
64	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK	<i>[Signature]</i>		1	1,2	2,4	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
65	12115213	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	DH12GB	<i>[Signature]</i>		1	1,8	5,2	8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
66	12154111	MAI BẢO TRUNG	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
67	12115058	VÕ HỒNG TRƯỜNG	DH12CB	<i>[Signature]</i>		0,4	1	1,1	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
68	12138134	VÕ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12TD	<i>[Signature]</i>		1	1	2,5	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại - 207121

Ngày thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m T, kể t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
69	13334236	PHẠM MINH TÚ	CD13CI	Tú		0,8	1,6	2,7	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK	Tuấn		1	1	1,4	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12154156	NGUYỄN MINH TUẤN	DH12OT	Minh		0,8	1,4	0,4	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC	Tạ		1	1,2	2,1	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH12OT	Tuệ		0,8	1,6	3,1	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12153123	THIỀU DUY TÙNG	DH12CD	Tùng		1	1,8	1,1	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12118108	LÊ QUANG TƯỜNG	DH12CK	Tường		0,6	0	2,5	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	Thanh		1	1,4	1,4	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD	Việt		1	2	2,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12153164	VŨ XUÂN VINH	DH12CD	Vinh		1	1	1,6	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12118106	PHẠM VĨNH VŨ	DH12CC	Vinh		1	2	1,9	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo
N.H. Dương

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL	<i>Ái</i>	1	1,6	5,4	8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD	<i>Anh</i>	0,8	1,4	3,5	5,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>Anh</i>	1	1,4	3	5,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>Bửu</i>	1	1,8	3,5	6,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153085	NGUYỄN MINH CHỈNH	DH10CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH12OT	<i>Cường</i>	0,8	1,2	4,3	6,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	<i>Cường</i>	1	1,6	5,1	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	<i>Duy</i>	1	1,6	1,4	4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>Đa</i>	0,8	1,4	2,6	4,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154059	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT	<i>Đào</i>	1	2	3,8	6,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH ĐỨC	DH13CK	<i>Đức</i>	1	1,6	3,5	6,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC	<i>Hải</i>	1	1,8	5,1	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>Hảo</i>	1	1,4	6,2	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115088	LÊ THỊ THÚY HẰNG	DH12CB	<i>Hằng</i>	1	1,4	2,1	4,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154226	KIỀU VĂN HẬN	DH12OT	<i>Hận</i>	1	1,8	3,2	6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154229	HỒ VĂN HIẾN	DH12OT	<i>Hiến</i>	1	2	3,5	6,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>Hiệp</i>	1	1	4,2	6,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
18	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT	<i>Lê Quang Hòa</i>		1	1,2	2,3	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	11153007	UNG MINH HOAN	DH11CD	<i>Ung Minh Hoan</i>		1	1,5	4,4	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
20	12115018	DƯƠNG VĂN HOÀNG	DH12CB	<i>Dương Văn Hoàng</i>		1	0,6	0,4	2	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>Nguyễn Huy Hùng</i>		0,8	1,4	3,2	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12118030	NGUYỄN VIỆT HUY	DH12CC							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>Phạm Đức Huy</i>		1	1,6	3	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH12OT	<i>Thái Xuân Huy</i>		1	1,6	2,5	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	12138055	HUYỀN TẤN HƯNG	DH12TD	<i>Huyền Tấn Hưng</i>		1	1	2,5	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12138058	NGUYỄN XUÂN KHÁ	DH12TD	<i>Nguyễn Xuân Khả</i>		1	1,6	3	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT	<i>Nguyễn Bình Khanh</i>		1	1,6	4,5	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT	<i>Nguyễn Đăng Khoa</i>		1	1	0,7	2,7	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH12OT	<i>Lưu Tấn Kiệt</i>		1	1,4	3,6	6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	<i>Nguyễn Việt Lâm</i>		0,8	2	1,2	4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT	<i>Phan Thành Lâm</i>		1	1,8	2,5	5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12138062	TẶNG VÕ LÂM	DH12TD	<i>Tặng Võ Lâm</i>		0,8	1,6	2,8	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>Nguyễn Chánh Lân</i>		1	1,8	3	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	12137007	VŨ ĐÌNH LỊCH	DH12NL	<i>Vũ Đình Lịch</i>		1	0,4	4,9	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
35	12115318	HỒ THÚY LINH	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1,8	3,2	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL	<i>[Signature]</i>		1	1	3	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12115249	PHẠM THỊ KIM	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	2	3,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154166	ĐÌNH VĂN LỢT	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	2	2,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154239	NGUYỄN VĂN LUẬN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0,8	1	1,1	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,6	3	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1	1,6	3,3	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154138	MAI THÀNH NHÂN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1	0,7	2,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC	<i>[Signature]</i>		1	1,6	2,8	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12115108	NGUYỄN THÀNH NHON	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1,4	2,1	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12115271	ĐẶNG HOÀNG PHÉP	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1,4	3,7	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,2	4,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,6	3,2	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154167	NGUYỄN VĂN QUẢ	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	2	5,8	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,4	2,3	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	2	0,8	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1,8	3,2	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	12118082	LÊ VĂN SON	DH12CX	Vân	1	0,8	2,8	4,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12115026	HOÀNG VĂN TAM	DH12CB	Tam	1	2	4	7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154246	NGUYỄN THÀNH TẤN	DH12OT	Tấn	0,8	1,2	1,4	3,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12115028	LÊ NHẬT THANH	DH12GB	Thanh	1	1,2	5,9	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12137041	ĐOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL	Thắng	1	1,4	3,5	5,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	Thắng	1	1	4,9	6,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL	Thắng	1	1	4,1	6,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD	Thắng	1	1	1,1	3,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	Th	0,8	1	2,3	4,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT	Thiên	1	0,8	2,6	4,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH12OT	Thước	1	2	1,9	4,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12115054	TRẦN QUỐC THỊNH	DH12CB	Th	1	1,8	3,6	6,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12115212	PHẠM THỊ HỒNG THU	DH12CB	Thy	1	1	3,2	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI	Th	1	1,8	2,5	5,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	Thuan	1	1,2	1,1	3,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD	Thuc	0,8	1,8	1,8	4,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12344134	ĐÀO MINH TÌNH	CD12CI	Tinh	1	1,4	1,1	3,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 10	Đ 2 (%) 20	Điểm thi 70%	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	12115306	NGUYỄN VĂN TÌNH	DH12CB	<i>Aut</i>		1	1,2	3,7	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12115056	TRẦN HỮU	DH12CB	<i>Tru</i>		1	1,8	2,1	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12154193	VÕ MẠNH	DH12OT	<i>Vo</i>		1	1	2,2	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11158025	LÊ VĂN	DH12SK	<i>Le</i>		1	1,4	3	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH12CK	<i>Ng</i>		1	1,4	4,9	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12137003	LÊ THÀNH	DH12NL							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12115038	LÊ VĂN	DH12GB	<i>Ng</i>		1	1,1	0,7	2,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12153014	CAO MINH	DH12CD	<i>Ca</i>		1	2	3,6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12344148	TRẦN MINH	CD12CI	<i>Tr</i>		1	1	2,8	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12137051	PHẠM ANH	DH12NL	<i>Pha</i>		1	1,4	4,5	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12153160	PHẠM VĂN	DH12CD	<i>Pha</i>		0,8	2	3,6	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12118103	TỔNG THANH	DH12CC	<i>Ng</i>		1	1,2	1,1	3,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiện diện : 77

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Quốc Tuấn

Lê Quang Trí

Kiên & Đức

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Hợ c : Cơ lưu chấ t-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV103 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô trờ n điể m phầ n nguyê n	Tô trờ n điể m phầ n lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT	An		6	5	8	7.1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT	Anh		8	7	7.5	7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT	AL		8	6	3	4.7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	Anh		8	7	8	7.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	Anh		7	6	6	6.3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	Anh		7	9	7	7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154037	TRẦN THIÊN ẮN	DH12OT	An		6	7	7	6.7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	Bao		6	6	3	4.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH12OT	Bao		5	7	1.5	3.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	Bai		5	7	6	5.9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	Bs		8	8.5	5	6.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD	Phu		8	8	2	4.3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154026	VŨ QUANG BÌNH	DH12OT	Bui		6	6	4.5	4.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154190	TRẦN VĂN CHINH	DH12OT	Can		8	9	8	8.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT	Ca		3	8	4	4.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153003	LAI VĂN CƯỜNG	DH12CD					V	V	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL	Le		8	8	3	5.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ lưu chất-207202

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT	<i>Cu</i>		8	7	5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT	<i>oai</i>		7	5	6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DƯƠNG	<i>Đình</i>		5	7	0	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>Da</i>		5	6	1.5	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT	<i>Phu</i>		7	7	3	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	<i>Phat</i>		7	8	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT	<i>Trieu</i>		8	7	5.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	<i>Phuong</i>		5	8	1	3.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK	<i>Tran</i>		8	7	8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD	<i>Hai</i>		5	5	0	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10344053	PHẠM THANH HÁT	CD10CI	<i>Ho</i>		5	7	2	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH12OT	<i>Hoi</i>		8	9	3	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>Hoi</i>		9	8	5	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153168	PHAN PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>Phu</i>		5	6	2	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIỆU	DH12TD	<i>Phu</i>		3	7	2	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	<i>Phu</i>		7	8	5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT	<i>Phu</i>		7	7	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ lưu chất - 207202

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK			5	6	0	2.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	12138047	DƯƠNG VĂN HOAN	DH12TD			5	6	3	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD			6	8	4.5	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	13118162	HUỖNH ĐỨC HÙNG	DH13CC			8	8	4	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT			8	6	5	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT			8	5	6	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	12154086	HUỖNH MINH HUY	DH12OT			7	8	4	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	12118029	NGUYỄN TẤT HUY	DH12CK					V	✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG HUY	DH12CD			2	7	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	12138055	HUỖNH TẤN HƯNG	DH12TD			7	7	5	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
45	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL			7	8	3	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC			8	7	0	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD			6	8	8	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	12154015	NGUYỄN THIÊN KHAI	DH12OT			5	8	3.5	4.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD			5	6	2	3.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT			8	8	5	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	12153089	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	DH12CD					V	✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chất-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV103 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	12154143	LƯU TÂN	KIỆT	DH12OT	Kiệt	7	7	1	3.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154249	PHAN THÀNH	LÂM	DH12OT	Lâm	3	6	3	3.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12138062	TĂNG VÕ	LÂM	DH12TD	hồ	7	2	3	3.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12344048	NHỮ VÂN	LINH	CD12CI	Nhữ	7	6	3	4.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154128	ĐOÀN XUÂN	LỘC	DH12OT	Đoàn	8	7	4	5.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	07138036	BÙI CÔNG	LỤC	DH08TD				V	V	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154240	NGUYỄN THANH	LƯƠNG	DH12OT	lyh	7	6	2	3.7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12153190	LÊ CÔNG	MINH	DH12CD	lecong	3	8	0	2.1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12153086	TRẦN ĐÌNH	MINH	DH12CD	Trần	8	7	4	5.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153106	BÙI VIỆT	NAM	DH12CD				V	V	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	07153064	NGUYỄN VĂN	NGHỈ	DH08CD	nhv	0	0	0	0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12153007	HÀ TRUNG	NGHĨA	DH12CD				V	V	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154113	LÊ ĐẠI	NGHĨA	DH12OT	le dai	8	6	0	2.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12138131	LÊ QUANG	NGỌC	DH12TD	le	8	6	2.5	4.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hùng Khoa


Đặng Trung Nam


Hoàng Xuân Dũng


TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chế t-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CX	<i>Thư</i>	1	7	8	3	8.9	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138128	NGUYỄN TIẾN NGỌC	DH13TD	<i>Nguyễn</i>	1	8	8	4.5	5.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD	<i>Phạm</i>	1	8	6	1	3.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115277	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG	DH12CB	<i>Đặng</i>	1	0	7	1	2.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153114	NGUYỄN HOÀI	DH12CD	<i>Thư</i>	1	7	0	6	5.1	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	DH12OT	<i>Phạm</i>	1	8	7	6.5	6.9	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153067	PHÙNG THÁI	DH12CD	<i>Phùng</i>	1	5	7	4.5	5.0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153088	ĐẶNG HOÀNG	DH12CD	<i>Đặng</i>	1				✓	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153112	ĐẶNG PHAN TÂN	DH12CD	<i>Phạm</i>	1	7	7	2.5	4.2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154012	NGUYỄN THANH	DH11OT	<i>Phạm</i>	1	8	7	4	5.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154122	NGUYỄN XUÂN	DH12OT	<i>Phạm</i>	1	8	9	9	8.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153093	HỒ VĨNH	DH12CD	<i>Hồ</i>	1	5	7	7	6.6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115150	PHẠM CÔNG	DH12OT	<i>Phạm</i>	1	8	6	4.5	5.4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154163	ĐÀO THANH	DH12OT	<i>Đào</i>	1	8	8	6.5	7.1	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12137036	LÊ HỮU	DH12ML	<i>Phạm</i>	1	8	8	4.5	5.8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153068	LÊ HOÀNG	DH12CD	<i>Phạm</i>	1	7	8	4.5	5.7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154167	NGUYỄN VĂN	DH12OT	<i>Đào</i>	1	8	7	7	7.3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ lưu chất-207202

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT	<i>chuy</i>	1	8	6	4.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC	<i>Quay</i>	1	8	7	6.5	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	8	7	2	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	<i>Quay</i>	1	8	0	1.5	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG QUÝ	DH12CC	<i>Thuy</i>	1	8	8	2	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154206	PHẠM HÙNG QUYẾN	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	7	9	5.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	9	8	4	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>Thuy</i>	1	5	7	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154083	LÊ THANH TÂM	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	9	7	9.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	8	7	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	8	6	2	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	<i>Thuy</i>	1	4	5	1.5	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154246	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	8	8	1	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT	<i>Thuy</i>	1	8	7	6	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT	<i>Thuy</i>	1	8	6	4.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL	<i>Thuy</i>	1	8	8	2	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI	<i>Thuy</i>	1	0	0	1	0.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ lưu chấ t-207202

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ	
35	12344124	LUƠNG ĐỨC	THÔNG	CD12CI	Vien	8	6	3	4.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	12137046	BÚT ANH	THƯƠNG	DH12NL	Alinh	1	8	6	3	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	DH12OT	Se	1	8	9	6	6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12118097	LONG QUỐC	TIẾN	DH12CK	Tan	1	8	8	7.5	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12153198	PHẠM NGỌC	TỊNH	DH12CD	tinh	1	7	8	3	4.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153150	NGUYỄN DƯ	TOÀN	DH12CD	Tan	1	8	6	1.5	3.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153151	PHẠM VĂN	TOÀN	DH12CD	Pham	1	6	5	2.5	3.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154197	TRẦN NGỌC	TOÀN	DH12OT	Tran	1	6	6	2.5	3.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	DH12OT	Thanh	1	4	6	2	3.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12118096	HỒ TRẦN TRUNG	TRÍ	DH12CC	Hoi	1	8	6	2.5	4.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154201	NGUYỄN THANH	TRỌNG	DH12OT	Tran	1	8	5	2	3.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH12CK	Pham	1	5	8	2	3.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẦN	DH12CK	Pham	1	8	7	3.5	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG	TUẦN	DH12OT	Pham	1	8	9	3.5	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12138132	LÊ ĐẮC	TUẦN	DH12TD	Pham	1	2	2	1	0.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12153192	NGÔ QUANG	TUẦN	DH12CD	Pham	1	5	6	1	2.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12153157	NGUYỄN ANH	TUẦN	DH12CD	Pham	1	8	5	2.5	4.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ lưu chấ t-207202

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV201 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
52	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT		1	9	9	9	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT		1	7	6	5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12153122	TRẦN VĂN TUYÊN	DH12CD		1				V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12115248	ĐÌNH QUANG	DH12CB		1	0	7	0	1.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD		1	5	8	7.5	7.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ	DH12CC		1	7	6	7	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD		1	5	7	3.5	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD		1	5	6	9	7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12149092	HOÀNG VĂN VIỆT	DH12TD		1	4	7	9	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD		1	8	7	5	5.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12153162	HOÀNG TRỌNG VINH	DH12CD		1	8	7	0	3.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC		1	5	7	3.5	4.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12138007	VÕ QUỐC VINH	DH12TD		1	8	6	5	5.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12154013	LÝ KIM XÀI	DH12OT		1	8	7	3.5	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiệu điểm : 6.2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.H. Đặng

Lê Quang Hùng

Trần Văn Tuyên

TS. Nguyễn Huy Bích

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Công nghệ &TB CB Lúa gạo 0-207212

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12118016	LÝ PHẠM BÌNH	DH12CC		✓						
2	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC		1	0,5	0,7	2,8	4,0		
3	10119018	NGUYỄN MINH	DH10CC		✓						
4	11137004	BÙI MẠNH	DH11CC		1	0,2	2,5	3,8	5,5		
5	11118001	ĐÀO THANH	DH11CC		1	0	1,3	4,7	6,0		
6	12118030	NGUYỄN VIỆT	DH12CC		✓						
7	11119007	NGUYỄN PHƯỚC	DH11CC		1	0,1	1,4	3,8	5,0		
8	11118010	SÉNG ALOUN	DH11CC		1	0	0,8	0,7	1,5		
9	11137006	TRẦN VĂN	DH11CC		1	0,1	1,1	2,8	4,0		
10	11119001	NGUYỄN NGỌC	DH11CC		1	0,1	0,9	3,0	4,0		
11	11119008	HỒ TÀI	DH11CC		1	0,2	1,7	4,1	6,0		
12	10119007	NGUYỄN ĐÌNH	DH10CC		1	0,2	1,6	4,7	6,5		
13	10119003	NGUYỄN VĂN	DH10CC		1	0,6	1,4	4,5	6,5		
14	12118062	VŨ THANH	DH12CC		1	0,1	0,6	0,7	1,4		
15	12118063	LÊ MINH	DH12CC		1	0,1	0,5	1,4	2,0		
16	12118068	VŨ VĂN	DH12CC		1	0,1	0,4	0,5	1,0		
17	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC		1	0,5	1,6	5,6	7,7		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Công nghệ &TB QĐ Lúa gạo 0-207212

Ngày Thi : 24/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV227 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC	<i>Quang</i>	1	0,2	0,9	1,9	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12CC	<i>Trung</i>	1	0,2	0,7	0,7	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC	<i>Thai</i>	1	0,7	0,9	4,0	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11118006	PHẠM TẤN THÀNH	DH11CC	<i>Thanh</i>	1	0,5	1,5	4,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC	<i>Thinh</i>	1	0,4	1,1	4,8	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC	<i>Thuan</i>	1	0,5	1,0	4,2	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC	<i>Tuan</i>	1	0,2	0,5	1,4	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC	<i>Kim</i>	1	0,8	1,7	6,0	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC	<i>Vinh</i>	1	0	0,5	1,6	2,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118077	TRẦN THANH VŨ	DH12CC	<i>Vu</i>	1	0,2	0,8	2,1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiện diện : 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Khanh
Trần Văn Khanh

Nguyễn Hữu Dũng
Nguyễn Hữu Dũng

Trần Văn Khanh
Trần Văn Khanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Máy và thiết bị phân tử 207214

Ngày thi : 13/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,0	3,5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,8	3,6	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	10119025	NGUYỄN VINH HẢI	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	0,0	2,8	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,8	1,0	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,4	4,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,8	3,3	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,0	3,6	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,4	3,8	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,4	3,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,4	2,6	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,0	3,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,8	3,9	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,8	4,5	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	10119003	NGUYỄN VĂN LỢI	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	2,4	4,5	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
15	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	0,0	1,3	2,3	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12118063	LÊ MINH NAM	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	0,0	2,0	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	10119027	VÕ TRỌNG NGHĨA	DH10CC	<i>[Signature]</i>	1	1,0	0,0	0,0	1,0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Máy và thiết bị phân ly-207214

Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	PHÚC	DH11CC	1	1,0	2,8	1,8	5,6	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC	1	1,0	2,0	3,5	6,5	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11118006	PHẠM TẤN	THÀNH	DH11CC	1	1,0	2,8	2,6	6,4	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09119038	BÙI TẤN	THỊNH	DH09CC	1	1,0	2,0	3,6	6,6	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CC	1	1,0	2,0	3,8	6,8	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11118005	MAO THANH	THUẬN	DH11CC	1	1,0	2,8	3,6	7,4	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	DH11CC	2	1,0	2,8	2,6	6,4	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11118003	LÝ QUANG	VƯƠNG	DH11CC	1	1,0	2,8	3,5	7,3	5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 1

Hiện diện : 24

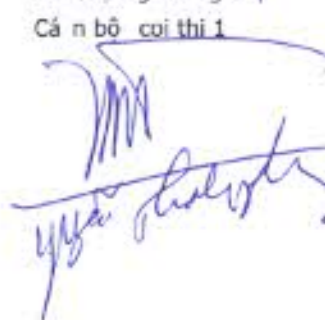
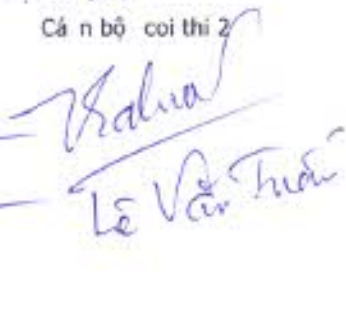
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2





DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Máy gia công cơ học NSTP-207216

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm số	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,9	9,0	8,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>[Signature]</i>		5,6	7,0	3,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,2	8,0	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,0	8,5	6,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11119007	NGUYỄN PHƯỚC HƯNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,3	8,0	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11119005	ĐOÀN THỊ HUƠNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,9	9,0	8,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	<i>[Signature]</i>		3,6	6,5	1,0	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118109	VŨ NHƯ KHẢI	DH12CC	<i>[Signature]</i>		7,2	6,5	8,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,1	7,5	6,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,0	7,5	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11119008	HỒ TÀI LINH	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,2	8,0	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118062	VŨ THANH MỆNH	DH12CC	<i>[Signature]</i>		0,1	5,5	3,5	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,1	8,5	6,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,2	8,0	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11118006	PHẠM TẤN THÀNH	DH11CC	<i>[Signature]</i>		7,9	8,5	8,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,1	8,0	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC	<i>[Signature]</i>		8,9	9,0	8,0	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 2/3

Mã nhận dạng 00828

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Máy gia công cơ học NSTP-207216

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	<i>[Signature]</i>		8,3	8,5	7,5	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11118003	LÝ QUANG	VUONG	<i>[Signature]</i>		8,1	8,0	7,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng ng:

Hiện diện:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

[Signature]
Ngô Hải Đăng

[Signature]
Lê Văn Tuấn

[Signature]
Vương Đình Bình

[Signature]
Ngô Hải Đăng

[Signature]
Lê Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Mã y nã ng chuyế h-207217

Ngày y Thi : 12/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (30%)	Đ iế m thi 50%	Đ iế m T. kế t	Tô trò n đ iế m phầ n nguyê n	Tô trò n đ iế m phầ n lẻ
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BỬU	DH10CC	<i>Buu</i>	1	2,0	2,5	0,5	5,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	12344023	HÀ VĂN CUÔNG	CD12CI							<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	10138019	TRẦN VĂN CUÔNG	DH10TD	<i>Tran</i>	1	2,0	3,5	1,5	6,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	<i>D</i>	1	2,0	2,5	2,0	6,5	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI	<i>Duy</i>	1	2,0	2,5	1,5	6,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	11118004	NGUYỄN MỘNG ĐẠT	DH11CC	<i>dat</i>	1	2,0	2,5	3,5	8,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD	<i>Hiên</i>	2	3,0	2,5	3,5	8,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL							<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	09118006	VŨ BÁ HOÀNG	CD12CI	<i>Ba</i>	1	2,0	3,5	1,5	6,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>Huan</i>	1	2,0	2,5	1,8	6,3	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	11137004	BÙI MẠNH HÙNG	DH11CC	<i>Hung</i>	1	2,0	3,5	3,0	7,5	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC	<i>Huy</i>	2	2,0	3,5	3,0	7,5	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	11119007	NGUYỄN PHƯỘC HƯNG	DH11CC	<i>Hung</i>	1	2,0	2,5	2,8	7,3	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	11119005	ĐOÀN THỊ HƯƠNG	DH11CC	<i>Huong</i>	1	2,0	2,5	2,8	7,3	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC	<i>se</i>	1	2,0	2,5	1,0	8,5	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
16	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	CD11CI	<i>Xuan</i>	1	2,0	2,5	2,5	7,0	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
17	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC	<i>Canh</i>	1	2,0	2,5	2,3	6,8	<i>4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Máy nông nghiệp - 207217

Ngày thi : 12/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (30%)	Điểm m thi 50%	Điểm m T. kế t	Tổng điểm m phần nguyên	Tổng điểm m phần lẻ
18	11344026	QUẢNG ĐẠI	KHẮM	CD11CI	✓	1,8	2,0	2,5	1,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	11119001	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH11CC	✓	1	2,0	2,5	1,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	11119008	HỒ TÀI	LINH	DH11CC	✓	2	2,0	2,5	3,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	12344158	NGÔ VŨ	LINH	CD12CI	✓	1	2,0	2,5	0,8	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	12344127	VŨ TÁ	MẠNH	CD12CI	✓	1	2,0	2,5	0,8	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	12344118	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	CD12CI	✓	1	2,0	2,5	1,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	12344103	PHẠM VĂN	PHÁT	CD12CI	✓	1	2,0	2,5	3,8	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	PHÚC	DH11CC	✓	2	2,0	2,5	3,3	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI	✓	1	2,0	2,5	2,0	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC	✓	1	2,0	2,5	1,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10138014	LÊ DUY	THÁI	DH10TD	✓	1	2,0	2,5	1,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10137029	NGUYỄN TĂNG	THÀNH	DH10NL	✓	1	2,0	2,5	1,3	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	11118006	PHẠM TẤN	THÀNH	DH11CC	✓	1	2,0	2,5	3,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CC	✓	1	2,0	2,5	1,8	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	11118005	MAO THANH	THUẬN	DH11CC	✓	1	2,0	2,5	2,8	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	10137072	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH10NL	✓	1	2,0	2,5	0,5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10138060	PHẠM QUỐC	TRUNG	DH10TD	✓	1	2,0	2,5	2,0	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Máy nông nghiệp - 207217

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi (50%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12344144	LOAN THANH TUÂN	CD12CI	<i>Thanh</i>	1	2,0	2,5	2,3	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	11344047	NGUYỄN MINH TUÂN	CD11CI	<i>Minh</i>	1	2,0	2,5	3,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	11119003	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	DH11CC	<i>Kim</i>	2	2,0	2,5	3,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12344149	HOÀNG DUY LINH TUYẾN	CD12CI							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CC	<i>Quang</i>	1	2,0	2,5	2,0	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 3

Hiện diện : 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kieu Van Duc

phan Minh Hien

Phu Nguyen Thy

Nguyen Nhu Nam

Phu Nguyen Thy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi T1

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CX	Am	1		1,5	6,4	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT	Anh	1		1,9	5,6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT	AT	1		1,1	6	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	Đức	1		1,7	6	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154076	NGUYỄN LÊ TỬ ANH	DH12OT	Tử	1		2,1	6,8	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10344033	DƯƠNG KỲ AN	CD10CI	Kỳ	1		0,9	3,6	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI	Thanh	1		1,5	3,2	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	Tiểu	1		1,3	4,4	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH12OT	Ch	1		1,3	6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH12OT	Chinh	1		1,9	4,4	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153036	HỨA THANH CHUNG	DH12CD	Chung	1		0,9	5,2	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154050	QUẢNG THIÊN CHƯƠNG	DH12OT	Ch	1		1,7	5,6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	Đ	1		1,9	6,8	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT	Q	1		2,3	7,2	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153003	LẠI VĂN CƯƠNG	DH12CD	✓	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	Đ	1			3,5	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	Duy	1		1,3	5,2	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi T1

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12OT		1		0,9	4	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154067	NGUYỄN MINH DUƠNG	DH12OT		1		2,3	5,2	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344032	NGUYỄN TRÚNG DUƠNG	CD12CI		1		1,9	4	5,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT		1		1,5	6	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH12OT		1		1,9	6,4	8,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT		1		1,7	6	7,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT		1		1,9	6,4	8,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT		1		2,5	6,8	9,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT		1		1,3	4,4	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT		1		2,3	4,8	7,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118104	TRẦN ĐỨC GIÁP	DH12CK		1		1,5	6,4	7,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344143	HỒ VĂN HA	CD12CI		1		1,3	6	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154229	HỒ VĂN HIỂN	DH12OT		1		2,3	5,6	7,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK		1		1,7	5,2	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344021	NGUYỄN THỊ HOA	CD11CI		1		1,5	3,2	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT		1		1,9	3,6	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT		1		1,7	4,8	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi T1

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	<i>An</i>	1		1,7	5,2	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH12OT	<i>Tan</i>	1		1,3	5,2	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD	<i>Gia</i>	1		2,1	4,8	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD	<i>Huy</i>	1		1,7	4	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12118029	NGUYỄN TẤT HUY	DH12CX	<i>Tat</i>	✓	✓				(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD	<i>Trong</i>	1		2,1	2,8	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD	<i>Khánh</i>	1		2,3	6	8,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12344094	HUYỀN DUY KHÁNH	CD12CI	<i>Ky</i>	1		1,3	4,8	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT	<i>Binh</i>	1		1,7	3,6	5,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12153090	NGUYỄN MINH KHOẢNH	DH12CD	<i>Khánh</i>	1		1,9	4,8	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	09118009	TRẦN DUY KHUÔNG	DH09CX	<i>Ky</i>	1			5,2	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344198	CAI TRUNG KIẾT	CD12CI	<i>Kiet</i>	1		0,7	4,4	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH12OT	<i>Kiet</i>	1		1,3	3,2	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12153092	NGUYỄN ANH KIẾT	DH12CD	<i>Ky</i>	1		1,9	4,8	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12344067	TRỊNH CAO KỲ	CD12CI	<i>Ky</i>	1		1,1	2,8	3,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12153097	TRƯƠNG NHÌ LÂM	DH12CD	<i>Lam</i>	1		2,1	1,6	3,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>Lan</i>	1		1,3	6	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi T1

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK	<i>[Signature]</i>	1		1,7	3,6	5,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
53	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1		0,9	2,8	3,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
54	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1		1,5	4,8	6,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
55	12153189	TÀ DUY	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1		1,3	6,4	7,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
56	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1		1,3	6	7,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
57	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1		1,9	3,2	5,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
58	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1		1,5	5,2	6,7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
59	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1		1,3	5,6	6,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 58

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

[Signature]
Kiều Văn An

[Signature]
Lê Văn Tuấn

[Signature]
Nguyễn Duy

[Signature]
Nguyễn Xuân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nghiệp kỹ thuật 207219

Ngày thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi TV101 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
1	13334121	CHÂU QUANG MINH	CD13CI	✓						(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	12153197	TÔ THÁI	DH12CD	Minh			0,9	3,2	4,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	12153086	TRẦN ĐÌNH	DH12CD	Minh			1,9	6	7,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	12154113	LÊ ĐẠI	DH12OT	Minh			2,3	3,6	5,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	12153191	NGUYỄN GIA	DH12CD	Minh			1,1	4	5,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	12154146	PHAN TRỌNG	DH12OT	Minh			1,9	5,2	7,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	12154138	MAI THÀNH	DH12OT	Minh			2,1	4,4	6,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	DH12OT	Minh			1,9	4	5,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	13118035	NGUYỄN ĐÌNH	DH13CK	Minh			2,1	4	6,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	12153088	ĐẶNG HOÀNG	DH12CD	Minh			1,5	2	3,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	12344100	PHẠM QUỲNH	CD12CI	Minh			0,9	3,2	4,1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	DH12CD	Minh			2,1	7,2	9,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	12153119	ĐỖ THÀNH	DH12CD	Minh			1,7	6,8	8,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	12154152	NGUYỄN TẤN	DH12OT	Minh			1,9	7,6	9,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	12344101	LÊ HỒNG	CD12CI	Minh			1,3	6	7,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	12153120	MAI TUẤN	DH12CD	Minh			1,3	4	5,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	12153128	LÊ HỒNG	DH12CD	Minh			2,1	5,2	7,3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật - 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi TV101 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH12OT	Phúc			2,1	6,4	8,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154020	HUỖNH THANH PHÙNG	DH12OT	Phùng			1,1	6,8	7,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH12OT	Phước			1,7	5,2	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT	Phương			1,7	6	7,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT	Quang			1,3	4,8	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD	Quân			1,5	4	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154206	PHẠM HÙNG QUYÊN	DH12OT	Quyên			1,5	5,2	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH12OT	Sang			1,3	6,4	7,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10153032	PHAN VĂN SÁNG	DH10CD	Sáng			1,9	6,4	8,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH12OT	Sĩ			2,3	6,4	8,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK	Sơn			1,5	3,2	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH12OT	Sơn			1,9	4,2	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH12OT	Sơn			1,1	6	7,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09154090	NGUYỄN MINH TÂM	DH09OT	Tâm			1,5	3,6	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI	Tâm			1,7	2	3,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	Tân			1,7	5,2	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK	Tất			2,3	4,8	7,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ thu hoạch 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi TV101 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD	<i>[Signature]</i>		2,1	6,4	8,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
36	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1,1	3,6	4,7		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
37	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>[Signature]</i>		0,9	2,4	3,3		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
38	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1,7	2,8	4,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
39	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1,1	8	9,1		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
40	10153039	HÀ LÊ THÂN	DH10CD	<i>[Signature]</i>						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
41	12154234	NGUYỄN NGỌC THÍCH	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1,7	5,2	6,9		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
42	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0,9	4,4	5,3		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
43	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI	<i>[Signature]</i>			2,4	2,4		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
44	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	<i>[Signature]</i>		1,9	2	3,9		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
45	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	<i>[Signature]</i>		1,1	4,4	5,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
46	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI	<i>[Signature]</i>		1,3	2	3,3		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
47	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0,9	4,8	5,7		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
48	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	<i>[Signature]</i>		1,5	6,8	8,3		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
49	12154204	VẠN NGỌC TỈNH	DH12OT	<i>[Signature]</i>		2,3	6,8	9,1		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
50	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>		2,1	4	6,1		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
51	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	<i>[Signature]</i>		1,5	3,6	5,1		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp kỹ thuật - 207219

Ngày Thi : 12/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi TV101 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	12153151	PHẠM VĂN	TOÁN	DH12CD			1,3	5,6	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
53	12153194	ĐẶNG MINH	TRON	DH12CD			1,9	3,2	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
54	12154201	NGUYỄN THANH	TRONG	DH12OT			2,1	3,2	5,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
55	12118006	NGUYỄN VĂN	TRONG	DH12CK			1,9	5,6	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
56	12153199	ĐẶNG NHƯ	TRUNG	DH12CD			2,1	4,8	6,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
57	12344137	LÊ HIẾU	TRUNG	CD12CI			2,1	2,8	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
58	12154111	MAI BẢO	TRUNG	DH12OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
59	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG	TUẦN	DH12OT			1,3	3,6	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
60	12154208	NGUYỄN HOÀNG	TUẦN	DH12OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
61	12153193	LÊ VĂN	TƯ	DH12CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
62	12118108	LÊ QUANG	TƯỜNG	DH12CK			1,3	2,4	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

Số lượng vắng : 57 Hiện diện : 57

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Ngô Hải Đăng

Phạm Minh Hiền

Nguyễn Hữu Dũng

Nguyễn Văn Xuân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : PP bố trí thí nghiệm & XLSL-207221

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi T1

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH12OT	An	1	0,7	0,2	3,2	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH12OT	Tu	1	0,7	1,2	2,1	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD	Qu	1	1,0	0,5	3,0	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT	Th	1	0,7	1,2	4,6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH12OT	Qu	1	0,7	0,5	3,5	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153001	TRẦN QUỐC BÙU	DH12CD	Bu	1	0,7	0,7	3,2	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	Chi	✓	0,8	0,2	0,0	1,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	Ch	1	0,9	0,1	1,4	2,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL	Le	1	1,0	2,0	2,8	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH12OT	Ti	1	0,7	0,2	0,7	1,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	Le	1	0,9	1,8	4,6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH12OT	Da	1	0,9	2,0	7,0	9,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	Da	1	1,0	1,4	3,9	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118002	BÙI VĂN HAI	DH12CC	Bu	1	0,7	2,0	2,1	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10153014	TRẦN NHỰT HÒA	DH10CD	Tr	1	0,8	1,7	4,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	Da	1	0,7	0,8	2,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154035	LÊ HUY HÙNG	DH11OT	Hu	1	0,8	2,0	4,2	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Học c : PP bố trí thí nghiệ m & XLSL-207221

Ngày y Thi : 27/06/14 Giờ thi: 12g15 - phú t Phò ng thi T1

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
18	09154024	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH09OT	<i>[Signature]</i>	1	0,0	0,0	1,4	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11118001	ĐÀO THANH HUY	DH11CC	<i>[Signature]</i>	2	0,7	1,8	4,6	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12137021	PHẠM ĐỨC	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	0,8	1,7	4,2	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12137023	LƯU ĐÌNH	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	0,7	0,8	3,5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11118010	SENG ALOUN	KASEUTH	<i>[Signature]</i>	1	0,5	0,6	0,7	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH12OT	<i>[Signature]</i>	✓	0,0	0,0	0,0	0,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,4	3,9	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,7	2,0	3,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11119008	HỒ TÀI	DH11CC	<i>[Signature]</i>	2	0,7	2,0	5,8	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154166	ĐÌNH VĂN LỢI	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,7	0,6	3,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,7	2,0	3,7	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	0,8	2,0	4,2	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,0	1,4	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD	<i>[Signature]</i>	✓	0,0	0,0	0,0	0,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	0,7	1,7	4,8	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153191	NGUYỄN GIA NGHĨA	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,8	2,8	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10119027	VŨ TRỌNG NGHĨA	DH10CC	<i>[Signature]</i>	✓	0,7	0,9	0,0	1,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : PP bố trí thí nghiệm & XLSL-207221

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi T1

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH12OT	<i>Myc</i>	1	9,9	2,0	6,7	9,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC	<i>nh</i>	1	9,8	0,2	2,5	3,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	<i>Đh</i>	1	9,7	1,0	3,5	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154194	NGUYỄN HỮU PHÚC	DH12OT	<i>phuc</i>	1	1,0	1,8	6,3	9,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	<i>HD</i>	1	0,7	4,9	3,8	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154020	HUỲNH THANH PHÚNG	DH12OT	<i>nhu</i>	1	0,9	2,0	3,9	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL	<i>phu</i>	1	0,7	0,7	5,8	7,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	<i>phuong</i>	1	0,8	1,0	2,5	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154090	TRẦN HỮU PHƯƠNG	DH12OT	<i>phuong</i>	2	0,7	2,0	1,8	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154167	NGUYỄN VĂN QUẢ	DH12OT	<i>qua</i>	1	0,8	0,4	3,5	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153070	VÕ HIẾN QUÂN	DH12CD	<i>quan</i>	1	0,9	0,9	5,6	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	<i>quy</i>	1	0,8	1,9	2,1	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH12OT	<i>th</i>	1	0,7	1,5	4,9	7,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154083	LÊ THANH TÂM	DH12OT	<i>tham</i>	1	0,8	1,3	3,2	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153133	NGUYỄN THANH TẤN	DH12CD	<i>tan</i>	1	0,7	0,2	3,2	4,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>th</i>	1	0,7	0,2	1,4	2,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	07119023	NGUYỄN CÔNG THÀNH	DH09CK		V	0,0	0,0	0,0	0,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : PP bố trí thí nghiệm & XLSL-207221

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thí T1

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	11118006	PHẠM TẤN THÁNH	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	0,8	1,9	4,9	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,7	0,2	3,2	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12137041	ĐOÀN NHẬT THẮNG	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	0,7	1,9	4,6	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,2	1,4	2,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11118005	MAO THANH THUẬN	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	0,7	1,9	6,3	8,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12154204	VAN NGOC TINH	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,8	1,9	5,6	8,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,7	0,2	0,7	1,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154018	NGUYỄN VĂN TRẠNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	1,0	1,0	3,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	0,7	1,9	1,8	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	0,7	1,7	1,8	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL	<i>[Signature]</i>	✓	0,7	0,2	0,0	0,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	10137072	NGUYỄN THÁNH TRUNG	DH10NL	<i>[Signature]</i>	1	0,7	0,2	0,9	1,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG TUẤN	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0,8	1,4	1,2	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12154208	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	DH12OT	<i>[Signature]</i>	✓	0,0	0,0	0,0	0,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11119003	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	DH11CC	<i>[Signature]</i>	1	0,8	2,0	7,0	9,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12137049	NGUYỄN QUỐC VINH	DH12NL	<i>[Signature]</i>	1	0,7	2,0	3,9	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,5	1,4	2,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : PP bố trí thí nghiệm & XLSL-207221

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thí T1 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (75%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	12153166	VŨ MINH VƯƠNG	DH12CD	*	✓	8,0	9,0	0,0	9,0	⊗ ⊙ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⊗ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng : 8

Hiệu điểm : 61

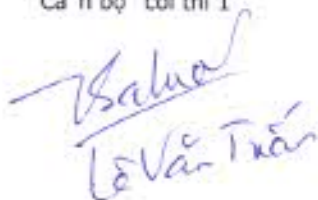
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Tuấn


Lê Quang Trí


Vương Đức Bình


Trần Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Trồng nôm t và TB trao đổi i-207224

Ngày thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD402 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BÙU	DH10CC	✓	✓					(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
2	11118004	NGUYỄN MỘNG	DH11CC	<i>Nguyễn Mộng</i>		0,5	1,5	7	9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
3	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	DH11CC	<i>Trần Vũ Ngân</i>		0,5	1	7	8,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
4	11137004	BÙI MẠNH	DH11CC	<i>Bùi Mạnh</i>		0,5	0,5	7	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
5	11118001	ĐÀO THANH	DH11CC	<i>Đào Thanh</i>		0,5	0,5	5	6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
6	11119007	NGUYỄN PHƯỚC	DH11CC	<i>Nguyễn Phước</i>		0,5	0,5	5,5	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
7	11119005	ĐOÀN THỊ	DH11CC	<i>Đoàn Thị</i>		0,5	0,5	5,5	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
8	11118010	SENG ALOUN	DH11CC	<i>Seng Aloun</i>		0,5	0,5	4	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
9	11137006	TRẦN VĂN	DH11CC	<i>Trần Văn</i>		0,5	0,5	6	7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
10	11119001	NGUYỄN NGỌC	DH11CC	<i>Nguyễn Ngọc</i>		0,5	1,5	3,5	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
11	11119008	HỒ TÀI	DH11CC	<i>Hồ Tài</i>		0,5	1	4	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
12	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	DH11CC	<i>Quách Đại Hồng</i>		0,5	0,5	4,5	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
13	11119010	KIỀU VĂN THÁI	DH11CC	<i>Kiều Văn Thái</i>		0,5	1	4,5	6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
14	11118006	PHẠM TẤN	DH11CC	<i>Phạm Tấn</i>		0,5	0,5	7	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
15	11118007	LÊ SỸ	DH11CC	<i>Lê Sỹ</i>		0,5	1	6,5	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
16	11118005	MAO THANH	DH11CC	<i>Mao Thanh</i>		0,5	1	7	8,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
17	11119003	NGUYỄN THỊ KIM	DH11CC	<i>Nguyễn Thị Kim</i>		0,5	1	5	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 2/3

Mã nhận dạng 00635

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Truyền nhiễm và TB trao đổi - 207224

Ngày Thi : 14/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi RD402 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11118003	LÝ QUANG VƯƠNG	DH11CC	<i>Quang</i>		0,5	1	7	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương
Võ Thị Ngọc Anh

Quang
Lê Quang Trí

KL
Nguyễn Hữu Dũng

Quang
Nguyễn Văn Xuân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Khó a luận tốt nghiệp - 01-207226

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10119002	NGUYỄN ĐÌNH LINH ✓	DH10CC						8,3	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119004	NGUYỄN VĂN SĨ ✓	DH10CC						8,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10119007	NGUYỄN ĐÌNH LONG ✓	DH10CC						8,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10119009	NGUYỄN LẠI THANH ✓	DH10CC						8,3	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10119010	PHAN THANH NHÂN ✓	DH10CC						9,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10119013	LÊ TRẦN HẠNH ✓	DH10CC						8,7	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10119019	MAI XUÂN ✓	DH10CC						9,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10119025	NGUYỄN VINH HẢI ✓	DH10CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10119032	VÕ THỊ NGÀ ✓	DH10CC						7,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 08

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Anh văn kỹ thuật - 207300

Ngày Thi : 20/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60			
1	12118009	TRẦN TUẤN AN	DH12CK	Am		1,2	0,7	3,2	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	AS		1,2	0,4	1,9	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC			1	0,5		1,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	ss		1	0,5	1,2	2,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137002	LÊ HÙNG CƯỜNG	DH12NL	Thong		1,2	0,7	1,6	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	nhac		1	0,2	1,5	2,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344140	LƯƠNG VĂN DUY	CD12CI							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI	ngm		0,4	0,2	1,9	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT	da		1,4	0,7	2,2	4,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT	dat		1,2	0,7	2,3	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	Phuoc		1,2	0,7	2,1	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD	duc		1,2	0,5	1,8	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154008	HÀ XUÂN ĐƯƠNG	DH10OT	du		1	1	2	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT EM	DH12OT	sk		1,2	0,4	1,9	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	thanh		1,4	0,5	1,7	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9